



Ngành cao su và xăm lốp

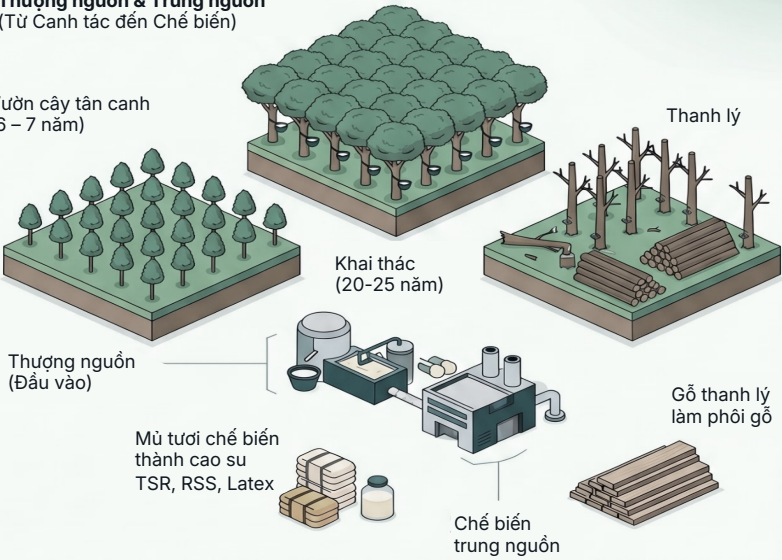
CHU KỲ GIÁ THUẬN LỢI & LÀN SÓNG CHUYỂN ĐỔI QUỸ ĐẤT

- Nguồn cung cao su tự nhiên đang đối mặt với áp lực thu hẹp khi thị trường bước vào giai đoạn thiếu hụt từ năm 2023 do sản lượng tăng chậm hơn nhu cầu. Tình trạng già hóa vườn cây, diện tích khai thác thu hẹp và thời gian tái canh kéo dài 6-7 năm khiến nguồn cung tại các vùng sản xuất truyền thống khó phục hồi nhanh, qua đó duy trì nền tảng giá thuận lợi trong trung hạn.
- Nhu cầu cao su tiếp tục được hỗ trợ bởi sự phục hồi của ngành ô tô và xu hướng xe điện khi nhu cầu cao su tự nhiên tiếp tục được thúc đẩy bởi sự phục hồi của ngành lốp xe và ô tô, trong khi tốc độ mở rộng của xe điện tạo thêm động lực tăng trưởng dài hạn. Trung Quốc vẫn giữ vai trò quan trọng khi là thị trường nhập khẩu lớn, khiến triển vọng ngành phụ thuộc đáng kể vào chu kỳ sản xuất ô tô và nhu cầu tại thị trường này.
- Tại Việt Nam, xu hướng già hóa vườn cây cũng diễn ra tương tự khi khoảng 55% diện tích khai thác đã trên 22 tuổi, khiến năng suất dần suy giảm. Điều này thúc đẩy các doanh nghiệp cao su tăng cường thanh lý vườn cây, đồng thời chuyển đổi một phần quỹ đất cao su sang phát triển KCN. Ngoài ra, xu hướng dịch chuyển sản xuất và dòng vốn FDI vào Việt Nam tiếp tục củng cố nhu cầu phát triển KCN, đặc biệt tại các tỉnh công nghiệp phía Nam, mở ra nguồn thu bổ sung trong giai đoạn 2025-2030.

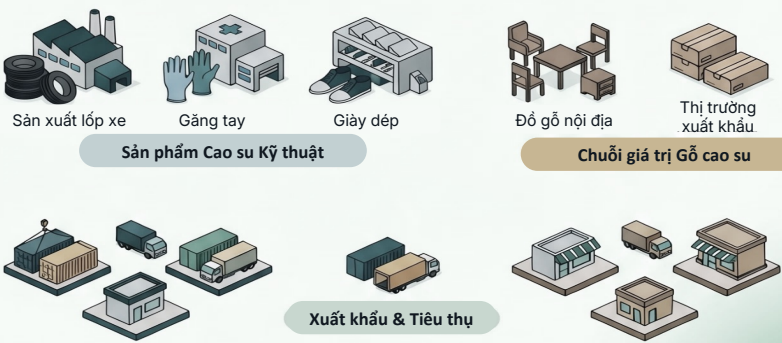
Triển vọng 2026 tiếp tục được hỗ trợ bởi hai động lực chính khi mặt bằng giá cao su được kỳ vọng duy trì thuận lợi nhờ cán cân cung - cầu vẫn thiếu hụt, trong khi mảng KCN dần trở thành động lực tăng trưởng thứ hai bên cạnh cao su tự nhiên. Với sự kết hợp giữa giá cao su thuận lợi và khả năng khai thác giá trị quỹ đất sẽ tạo dư địa cải thiện lợi nhuận cho các doanh nghiệp cao su Việt Nam trong trung hạn.

Chuỗi Giá Trị Ngành Cao Su:
Từ Vườn Cây Đến Thành Phẩm

Thượng nguồn & Trung nguồn
(Từ Canh tác đến Chế biến)



Hạ nguồn
(Thị trường sản phẩm cuối)



Vị thế của ngành tại Việt Nam:

Việt Nam giữ vị trí thứ 3 thế giới về sản lượng và xuất khẩu cao su tự nhiên. Dù diện tích trong nước có xu hướng thu hẹp do chuyển đổi sang khu công nghiệp, các doanh nghiệp đã chủ động mở rộng vườn cây sang Lào và Campuchia để duy trì nguồn cung ổn định. Tuy nhiên, cơ cấu xuất khẩu vẫn phụ thuộc lớn vào thị trường Trung Quốc.

Các nét chính:

- Giá cao su tăng dài hạn do nguồn cung thắt chặt:** Vườn cây già hóa kéo năng suất đi xuống kết hợp với diện tích trồng tiếp tục thu hẹp khi nông dân chuyển sang cây trồng khác. Với chu kỳ tái canh cần 6-7 năm, nguồn cung sẽ bị thiếu hụt và đẩy giá cao su tự nhiên tăng cao đến cuối thập kỷ này.
- Trong khi lực cầu được hỗ trợ bởi xu hướng EV khiến giá cao su tăng trong dài hạn:** EV tiêu hao lốp nhanh hơn ICE do trọng lượng pin và mô-men xoắn tức thì. Làn sóng EV là áp lực cầu mới chổng lên cầu truyền thống, kết hợp nguồn cung cao su tự nhiên bị thiếu hụt khiến giá cao su tại Đông Nam Á tăng cao.
- Động lực tăng trưởng thứ hai đến từ bất động sản khu công nghiệp:** Quỹ đất cao su lớn tại các tỉnh công nghiệp trọng điểm phía Nam đang được chuyển đổi sang KCN theo lộ trình quy hoạch đã phê duyệt tạo sức hút cho thuê mạnh. Dòng tiền KCN bắt đầu hiện thực hóa trong giai đoạn 2025–2030, có tính ổn định và dài hạn cao hơn hẳn mảng cao su thuần túy.

Triển vọng 2026: Mô hình lợi nhuận của các doanh nghiệp cao su Việt Nam hiện tại với hai mảng chính gồm cao su tự nhiên và dòng tiền từ bất động sản KCN tạo ra bức tranh sáng của ngành trong năm 2026

Cổ phiếu	Khuyến nghị	DTT 6T/2026 (%YoY)	LNST 6T/2026 (%YoY)	D/E	P/E	ROE
GVR	Mua	37.70%	68.59%	3.78%	18.2x	10.9%
PHR	Mua	28.72%	231.88%	3.29%	8.2x	21.4%
DPR	Mua	63.28%	58.07%	0.00%	9.2x	10.5%

THỊ TRƯỜNG CAO SU THẾ GIỚI



Cung cầu cao su tự nhiên

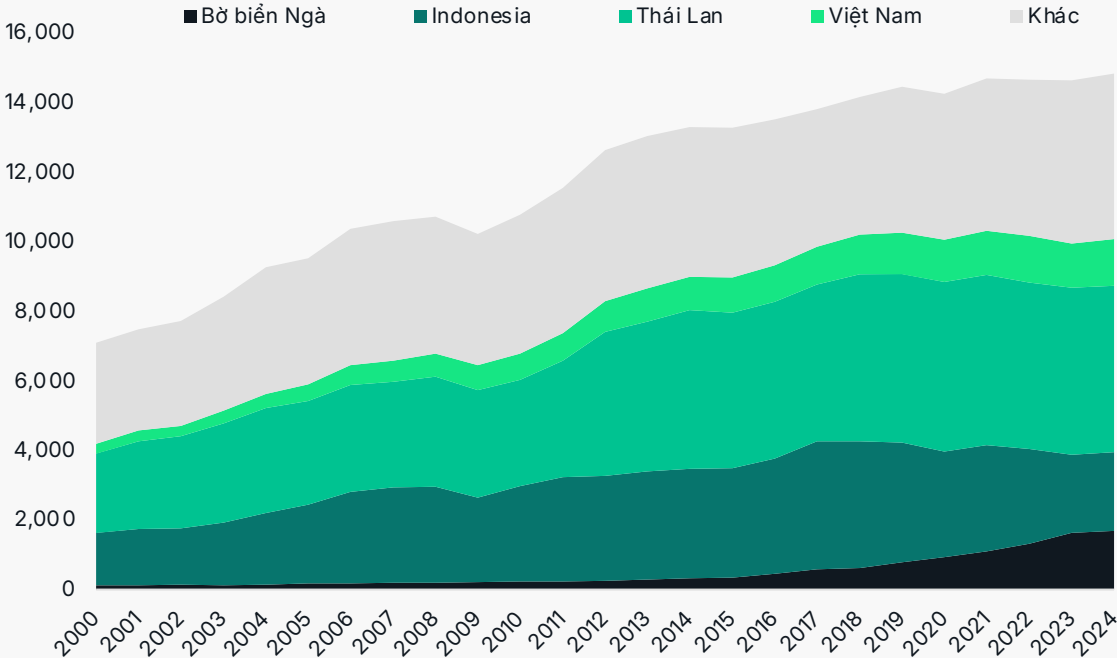
Cơ cấu nguồn cung cao su tự nhiên tập trung phần lớn ở các quốc gia Đông Nam Á

Nguồn cung cao su tự nhiên toàn cầu tập trung cao tại Đông Nam Á, chủ yếu ở Thái Lan, Indonesia và Việt Nam. Do đó, biến động thời tiết, chính sách xuất khẩu hoặc bệnh dịch trên cây cao su tại khu vực này có thể ảnh hưởng trực tiếp đến toàn bộ chuỗi cung ứng toàn cầu.

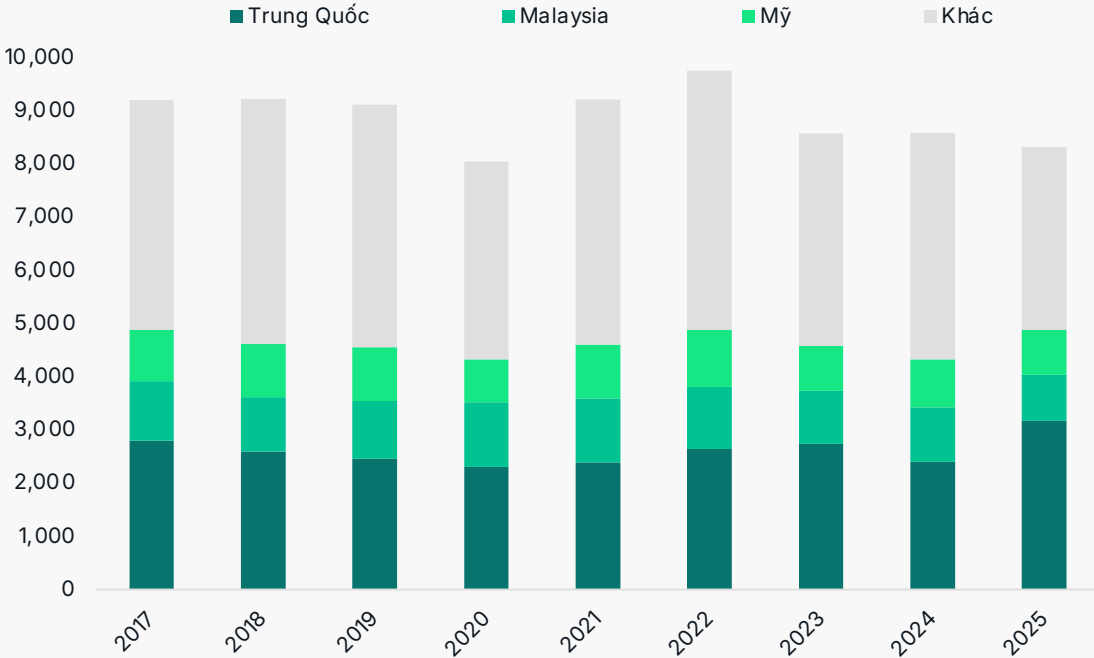
Ngược lại ở phía cầu, Trung Quốc chiếm tỷ trọng nhập khẩu cao su tự nhiên lớn nhất thế giới, chủ yếu phục vụ sản xuất lốp xe và linh kiện công nghiệp. Sự phụ thuộc cấu trúc này tạo ra mối quan hệ cung-cầu rất tập trung nên diễn biến kinh tế Trung Quốc và chu kỳ sản xuất ô tô toàn cầu là những yếu tố quan trọng chi phối nhu cầu và giá cao su tự nhiên.

Với Việt Nam ở vị thế là nhà xuất khẩu lớn, biên lợi nhuận ngành cao su trong nước sẽ tích cực khi nhu cầu từ Trung Quốc phục hồi và chu kỳ xe điện toàn cầu kéo theo nhu cầu linh kiện cao su tăng trở lại.

Cơ cấu xuất khẩu cao su tự nhiên toàn cầu
| Đơn vị: Nghìn tấn | Nguồn: Kafi Research tổng hợp



Nhập khẩu cao su tự nhiên toàn cầu
| Đơn vị: Nghìn tấn | Nguồn: ITC, Kafi Research



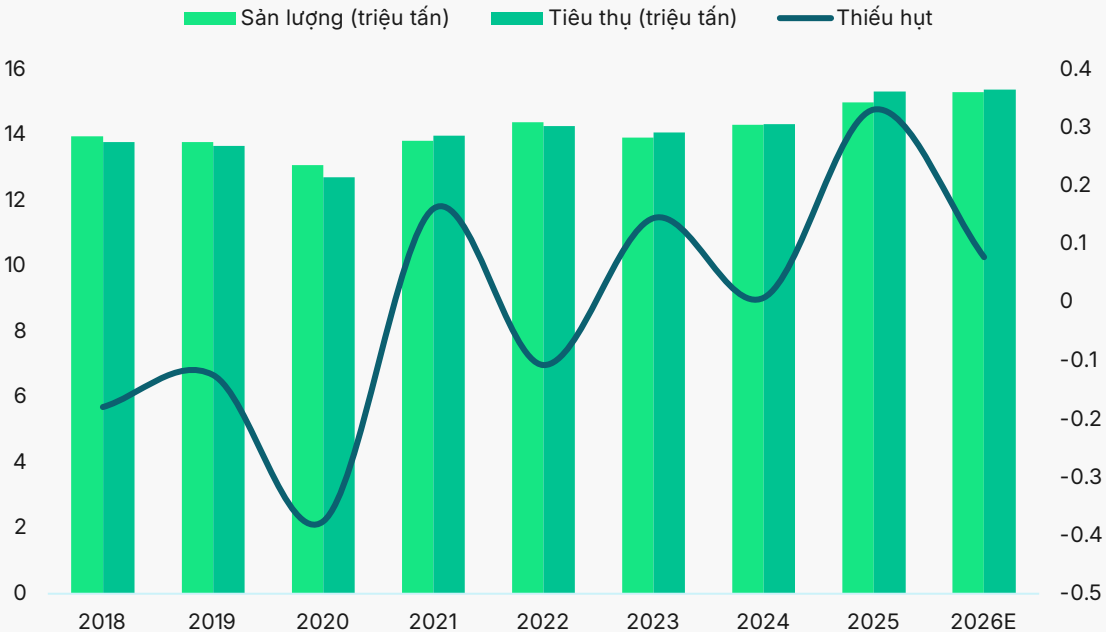
Nguồn cung bước vào giai đoạn thắt chặt

Dự kiến năm 2026, cán cân NR vẫn thiếu hụt

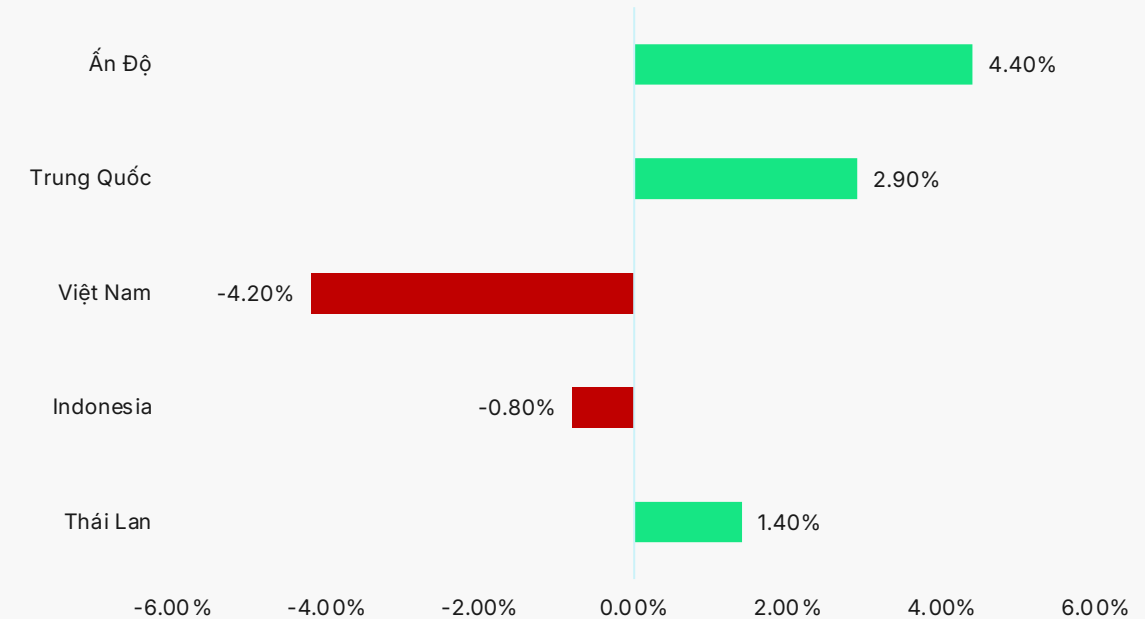
Từ năm 2023, tăng trưởng sản lượng cao su tự nhiên bắt đầu chậm lại so với nhu cầu tiêu thụ, đưa thị trường vào trạng thái thiếu hụt nguồn cung. Năm 2025, mức thiếu hụt đạt khoảng 330 nghìn tấn. Riêng trong năm 2026, nguồn cung tại các quốc gia sản xuất chủ lực như Thái Lan và Indonesia chịu ảnh hưởng bởi mưa bất lợi và những bất ổn địa chính trị, trong khi yếu tố mùa vụ tiếp tục hạn chế sản lượng trong nửa đầu năm.

Theo ANRPC, cán cân NR toàn cầu dự kiến vẫn thiếu hụt trong 2026, khoảng 15.279 nghìn tấn nguồn cung và 15.356 nghìn tấn cầu. Dù mức thiếu hụt thu hẹp còn khoảng 77 nghìn tấn khi sản lượng tăng 2.1% YoY, cao hơn mức tăng 0.4% của tiêu thụ. Về dài hạn, tình trạng thiếu hụt được dự báo ở mức khoảng 600-700 nghìn tấn mỗi năm và có thể kéo dài đến 2028-2031, phản ánh khả năng phục hồi nguồn cung còn hạn chế so với nhu cầu.

Thị trường cao su thiên nhiên đi vào giai đoạn thiếu hụt nguồn cung từ năm 2023
| Nguồn: ANRPC, Kafi Research



Dự báo tăng trưởng sản lượng cao su tự nhiên của 1 số nước sản xuất chủ lực năm 2026
| Nguồn: ANRPC, Kafi Research



ONI có phải yếu tố quyết định?

Trái với các phân tích thông thường, thời tiết cực đoan không phải là yếu tố quyết định đến giá cao su thế giới.

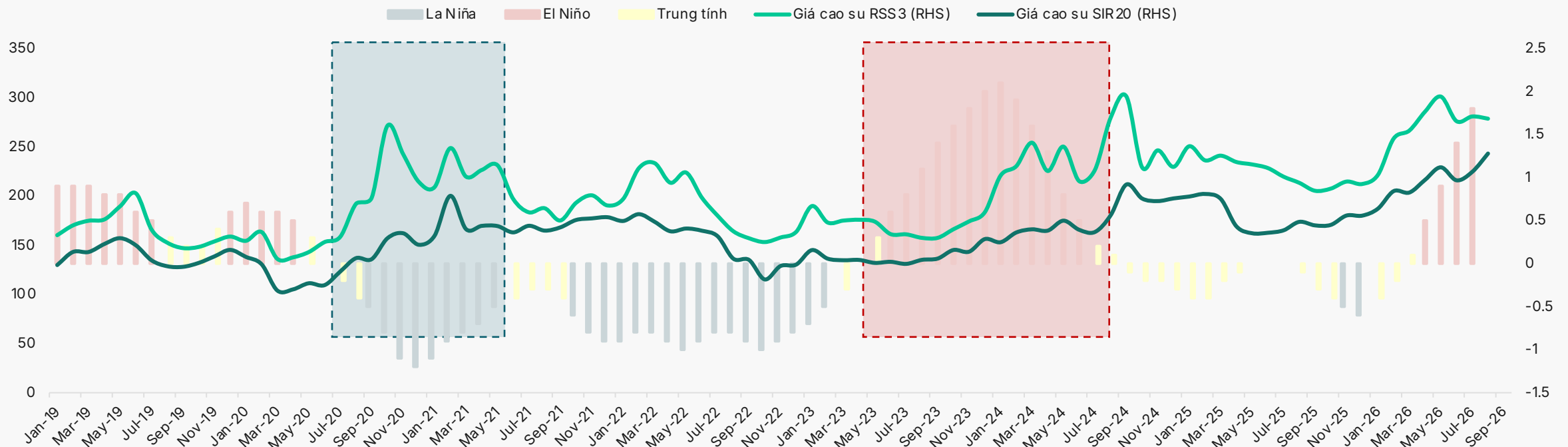
Chỉ số ONI (Oceanic Niño Index) được sử dụng để xác định các pha thời tiết El Niño và La Niña. Theo đó, $ONI \geq 0.5$ trong 5 mùa liên tiếp được xác định là El Niño, trong khi $ONI \leq -0.5$ trong 5 mùa liên tiếp là La Niña.

Tuy nhiên, dữ liệu lịch sử cho thấy mối quan hệ giữa ONI và giá cao su không thực sự rõ ràng. Trong các giai đoạn thời tiết cực đoan, chỉ La Niña 2020–2021 và El Niño 2023–2024 ghi nhận giá cao su tăng mạnh, trong khi các chu kỳ khác cho thấy giá cao su không biến động tương ứng với mức độ của ONI.

Nguyên nhân có thể đến từ việc tác động của thời tiết lên nguồn cung được hấp thụ một phần bởi lượng tồn kho và khả năng điều chỉnh sản lượng giữa các quốc gia sản xuất trong khu vực. Do đó, khi thị trường vẫn duy trì nguồn cung thay thế và tồn kho ở mức đủ lớn, các cú sốc thời tiết khó tạo ra tác động đáng kể và kéo dài lên giá cao su.

Giá cao su Thái Lan và hiện tượng thời tiết cực đoan

Đơn vị: US Cent/Kg | Nguồn: ARBC, CPC, Kafi Research



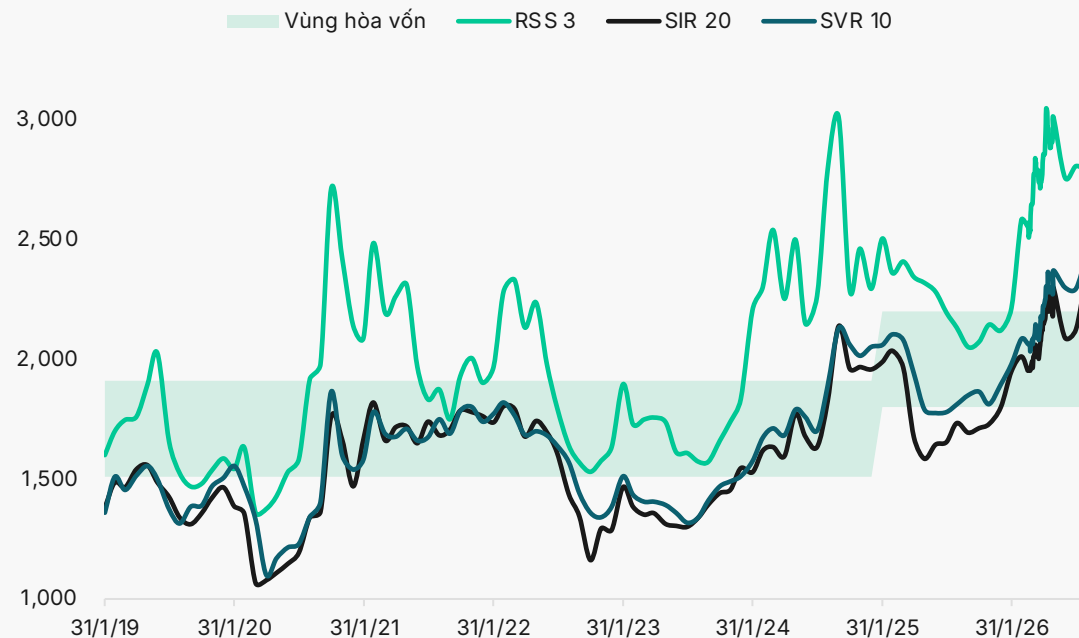
Diện tích trồng cao su thu hẹp

Cung cầu – Yếu tố quyết định và bài toán dài hạn về năng suất và diện tích thu hoạch.

Mặc dù giá cao su hiện đang cao hơn ngưỡng hòa vốn của nông dân Thái Lan, mặt bằng giá trong lịch sử phần lớn vẫn dao động quanh ngưỡng này. Khi giá duy trì dưới hoặc sát mức hòa vốn trong thời gian dài, một bộ phận nông dân có xu hướng chuyển đổi sang các loại cây trồng có biên lợi nhuận cao hơn, khiến diện tích thu hoạch tại các nước sản xuất chủ lực như Thái Lan, Việt Nam và Indonesia có xu hướng thu hẹp.

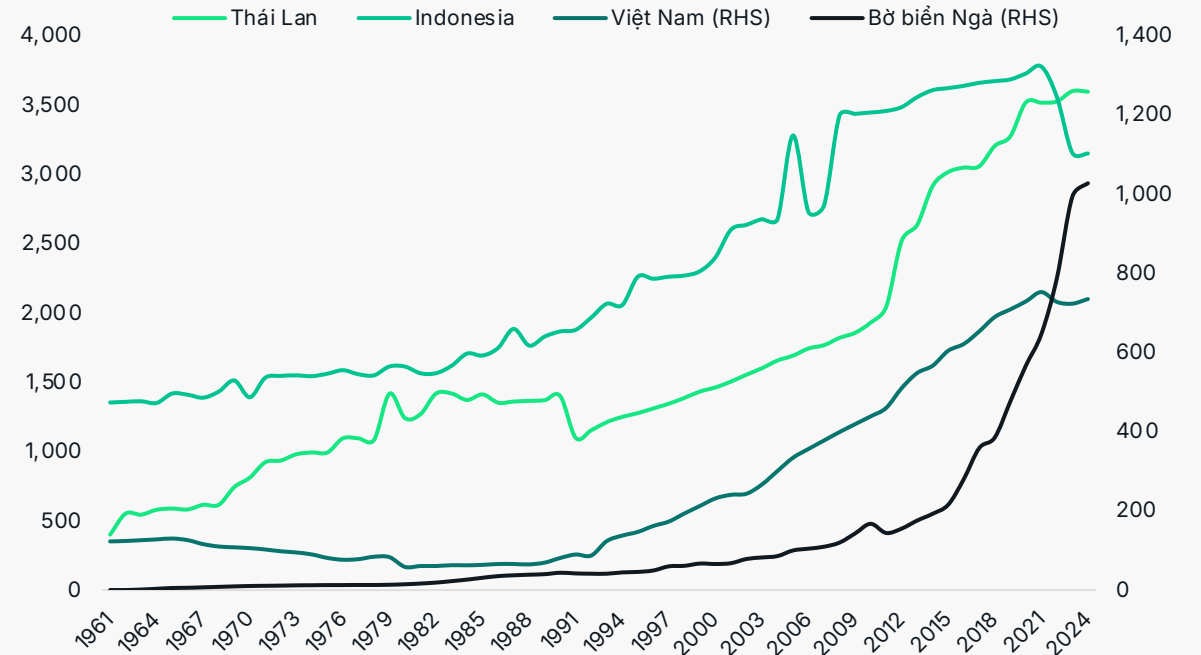
Ở chiều cầu, nhu cầu từ ngành sản xuất lốp xe đang phục hồi, trong khi sự mở rộng của xe điện được kỳ vọng tiếp tục hỗ trợ tiêu thụ cao su tự nhiên. Kết hợp với xu hướng thu hẹp diện tích tại các vùng trồng truyền thống, các yếu tố này đang tạo nền tảng cho chu kỳ thắt chặt nguồn cung trong trung hạn, ít phụ thuộc hơn vào diễn biến thời tiết. Do đó, chúng tôi cho rằng tình trạng thiếu hụt cao su tự nhiên sẽ duy trì đến cuối thập kỷ này.

Diễn biến giá cao su Đông Nam Á và vùng hòa vốn tham chiếu từ Thái Lan (giá FOB)
| Đơn vị: USD/Tấn | Nguồn: Kafi Research



Trung tâm phân tích KAFI

Diện tích thu hoạch cao su hằng năm
| Đơn vị: Nghìn ha | Nguồn: Kafi Research



Lục địa già của ngành cao su

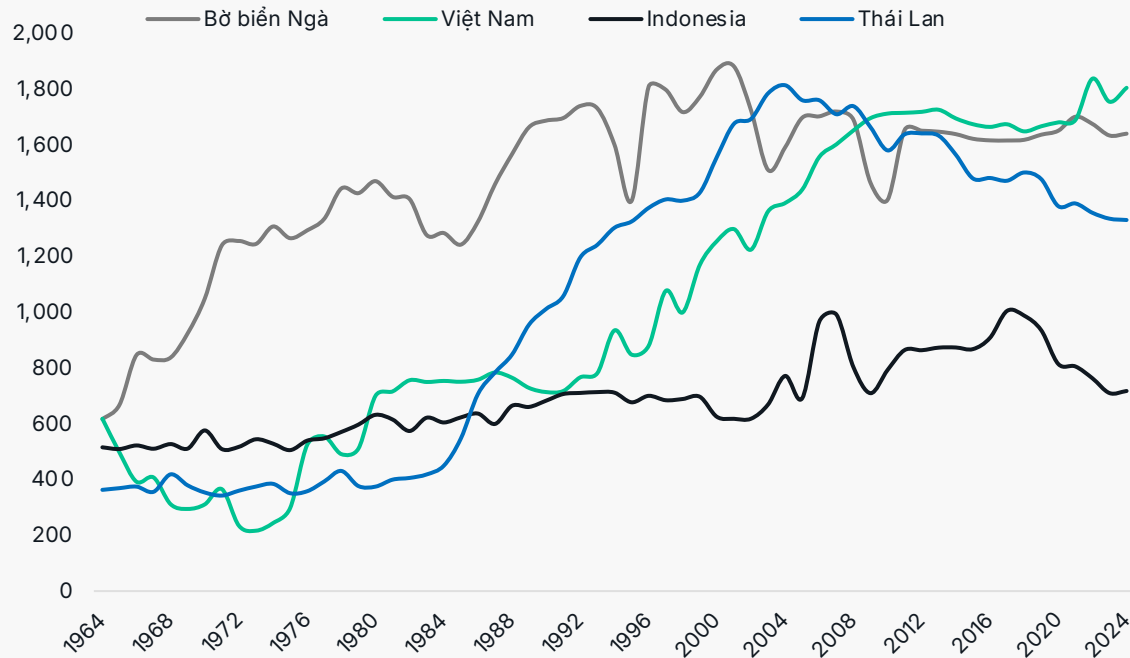
Đông Nam Á đang dần mất đi vị thế trên bản đồ cao su thế giới khi tình trạng già hóa cây cao su tăng nhanh.

Phần lớn diện tích cao su tại Đông Nam Á được mở rộng mạnh trong giai đoạn giá cao những năm 2000-2010, khiến nhiều vườn cây hiện đã trên 20 năm tuổi và vượt qua giai đoạn năng suất mù cao nhất, thường ở khoảng 7-15 năm tuổi. Do đó, sản lượng có xu hướng giảm dần ngay cả khi diện tích trồng không thay đổi. Trong khi đó, quá trình tái canh cần khoảng 6-7 năm để cây bắt đầu khai thác và thêm vài năm để đạt năng suất tối ưu, khiến nguồn cung từ các vùng trồng truyền thống khó phục hồi nhanh trong ngắn và trung hạn. Đây là yếu tố có thể tạo nền tảng hỗ trợ giá cao su trong những năm tới.

Ngoài ra, cấu trúc nguồn cung đang dần dịch chuyển sang châu Phi, với Bờ Biển Ngà là một trong những khu vực đáng chú ý nhờ tỷ trọng cây trẻ 7-14 năm cao và năng suất tương đối ổn định.

Năng suất cao su tự nhiên của các quốc gia có sản lượng lớn nhất thế giới

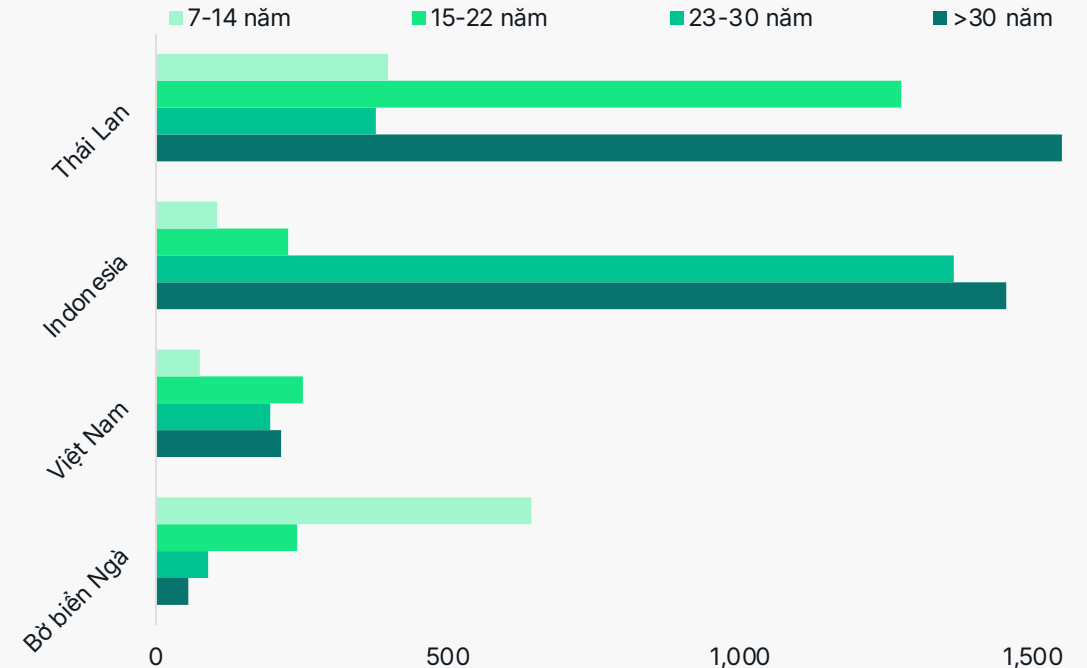
| Đơn vị: Kg/ha | Nguồn: Kafi Research



Trung tâm phân tích KAFI

Diện tích thu hoạch theo độ tuổi cây cao su

| Đơn vị: Nghìn ha | Nguồn: Kafi Research



Thay đổi trong cấu trúc

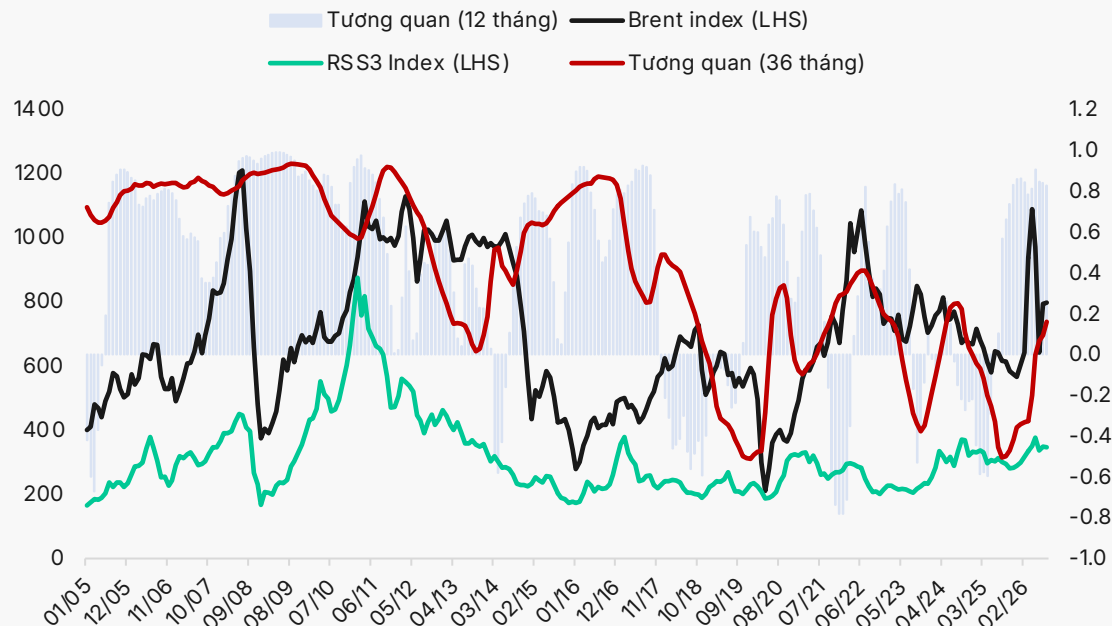
Quan hệ giữa bộ ba cao su tự nhiên, cao su nhân tạo và dầu mỏ đang chứng kiến sự thay đổi mạnh mẽ.

Trong giai đoạn 2002-2013, Brent, NR và SBR chủ yếu vận động cùng chiều. Tuy nhiên, từ 2013, tương quan giữa Brent và NR giảm đáng kể khi thị trường NR bước vào chu kỳ dư cung sau làn sóng mở rộng diện tích giai đoạn 2007-2012. Trong khi đó, NR và SBR bắt đầu thay đổi xu hướng từ giữa 2023 khi giá NR tăng mạnh hơn SBR, đưa chênh lệch lên khoảng +40-60 điểm.

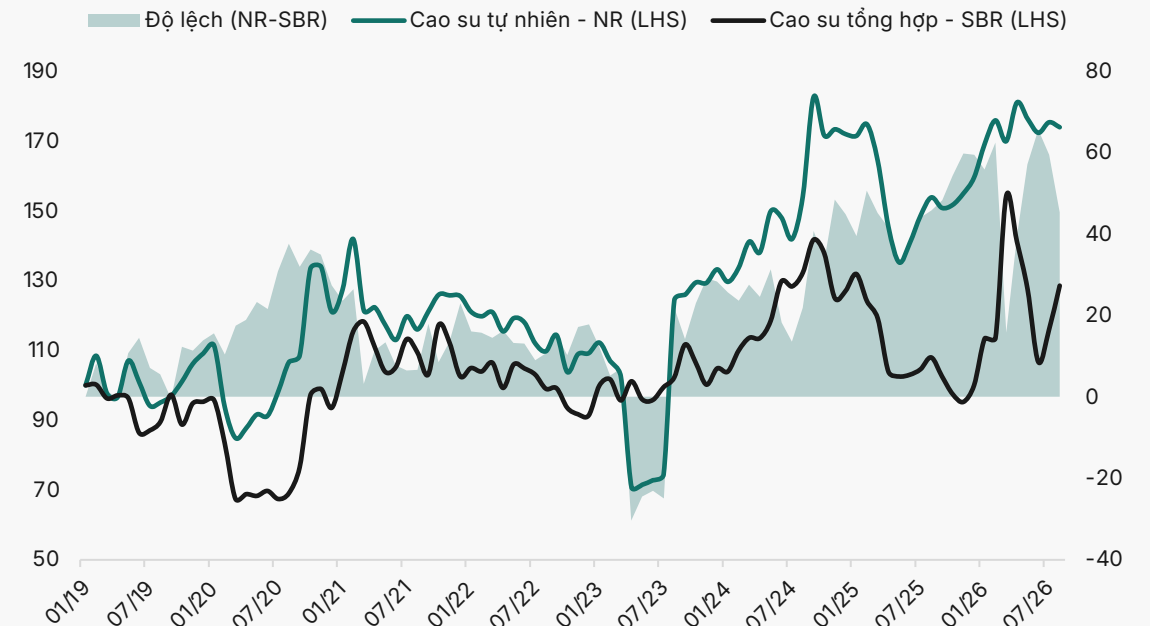
Diễn biến trên phản ánh sự khác biệt ngày càng lớn về nguồn cung. SBR chịu áp lực từ nguồn cung butadiene dư thừa khi Trung Quốc liên tục bổ sung công suất hóa dầu, trong khi NR lại bị hạn chế bởi già hóa vườn cây và xu hướng thu hẹp diện tích tại Đông Nam Á.

Với nguồn cung NR khó mở rộng nhanh trong những năm tới, giá NR có cơ sở duy trì ở mặt bằng cao hơn SBR, qua đó tiếp tục hỗ trợ giá bán của các doanh nghiệp cao su trong khi tạo điều kiện thuận lợi hơn về chi phí nguyên liệu cho các doanh nghiệp lốp xe sử dụng SBR.

Giá cao su tự nhiên, Brent (Index = 100 từ Jan-1999) cùng tương quan ngắn, dài hạn
| Nguồn: Kafi Research



Chênh lệch trong giá cao su tự nhiên và tổng hợp (Index = 100 từ Jan-2019)
| Nguồn: Kafi Research



THỊ TRƯỜNG CAO SU VIỆT NAM



Cung cầu cao su của Việt Nam

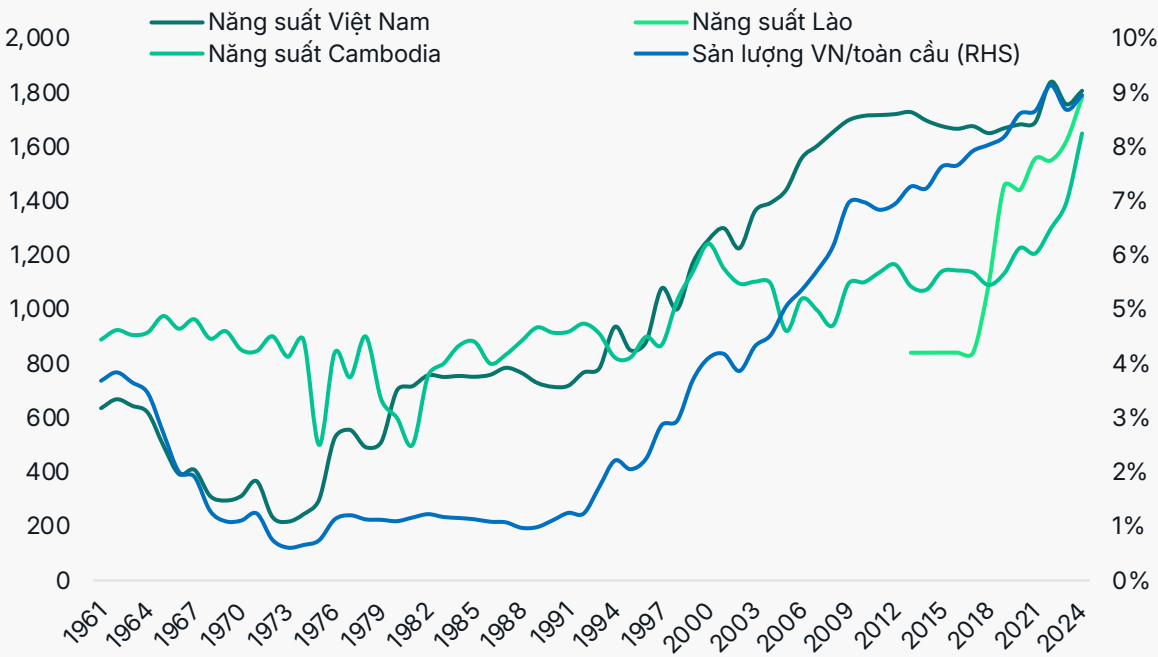
Chiến lược khác biệt của Việt Nam

Việt Nam hiện đóng góp khoảng 8-9% sản lượng cao su tự nhiên toàn cầu, là nhà xuất khẩu lớn thứ ba thế giới. Nhưng con số đó chưa phản ánh đầy đủ thực tế vận hành của ngành vì một phần đáng kể sản lượng mà Việt Nam xuất khẩu không hoàn toàn được trồng trên lãnh thổ trong nước.

Đường năng suất của Việt Nam, Campuchia và Lào đang hội tụ về cùng một vùng từ những mức xuất phát khác nhau. Đây là dấu vết của quá trình tái phân bổ địa lý có hệ thống, khi các doanh nghiệp và nông hộ Việt Nam mở rộng vườn cây sang hai nước láng giềng khi quỹ đất trong nước thu hẹp và chi phí lao động tăng dần. Năng suất Campuchia và Lào tăng lên là kết quả của vốn, giống và kỹ thuật canh tác Việt Nam chuyển giao sang. Thực tế cho thấy tỷ trọng nhập từ Campuchia tăng dần ở mức cao qua các quý. Nguyên liệu từ vườn cây vệ tinh ở Campuchia và Lào được đưa ngược về Việt Nam để chế biến và xuất khẩu, khiến số liệu thương mại chính thức của Việt Nam thực chất phản ánh một chuỗi sản xuất xuyên biên giới rộng hơn nhiều so với diện tích trồng nội địa.

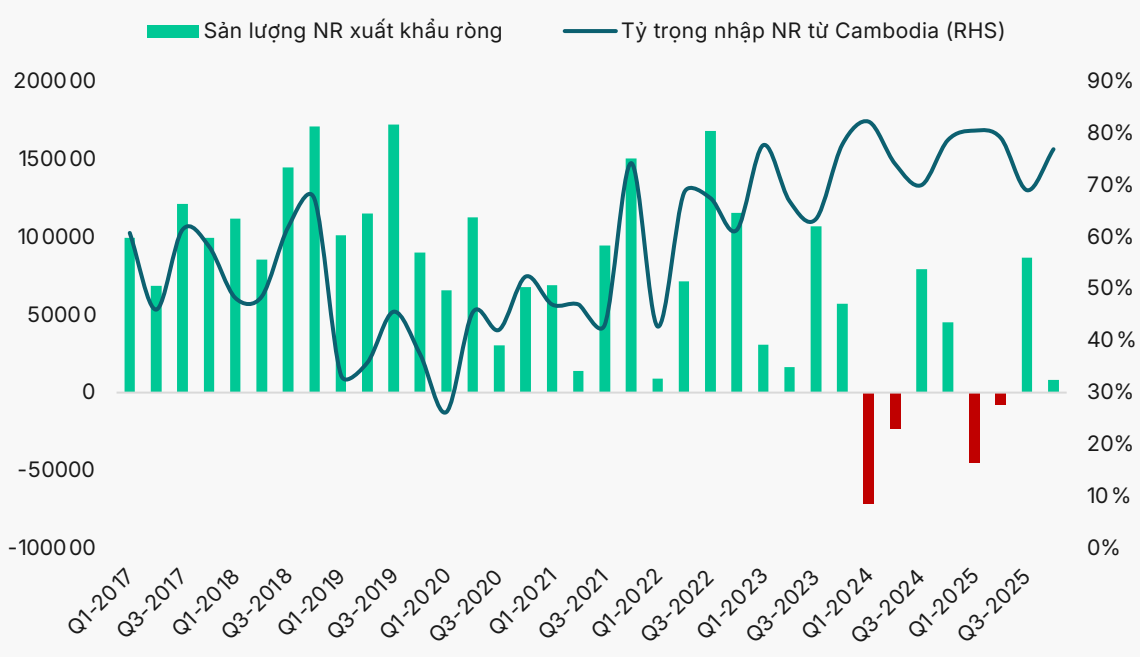
Năng suất cao su của Việt Nam và các vùng lân cận

Đơn vị: %, Kg/ha | Nguồn: Kafi Research



Sản lượng xuất nhập khẩu cao su tự nhiên của Việt Nam

Đơn vị: %, Tấn | Nguồn: Kafi Research



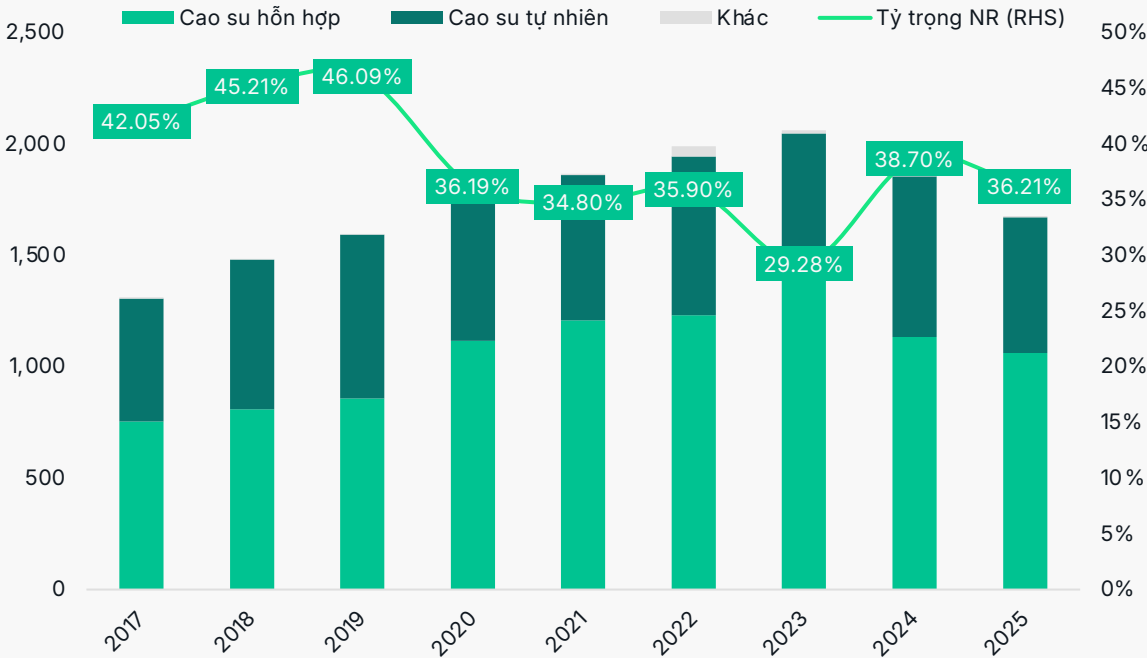
Cung cầu NR của VN

Không phải cao su tự nhiên, cao su hỗn hợp mới là mặt hàng xuất khẩu chính.

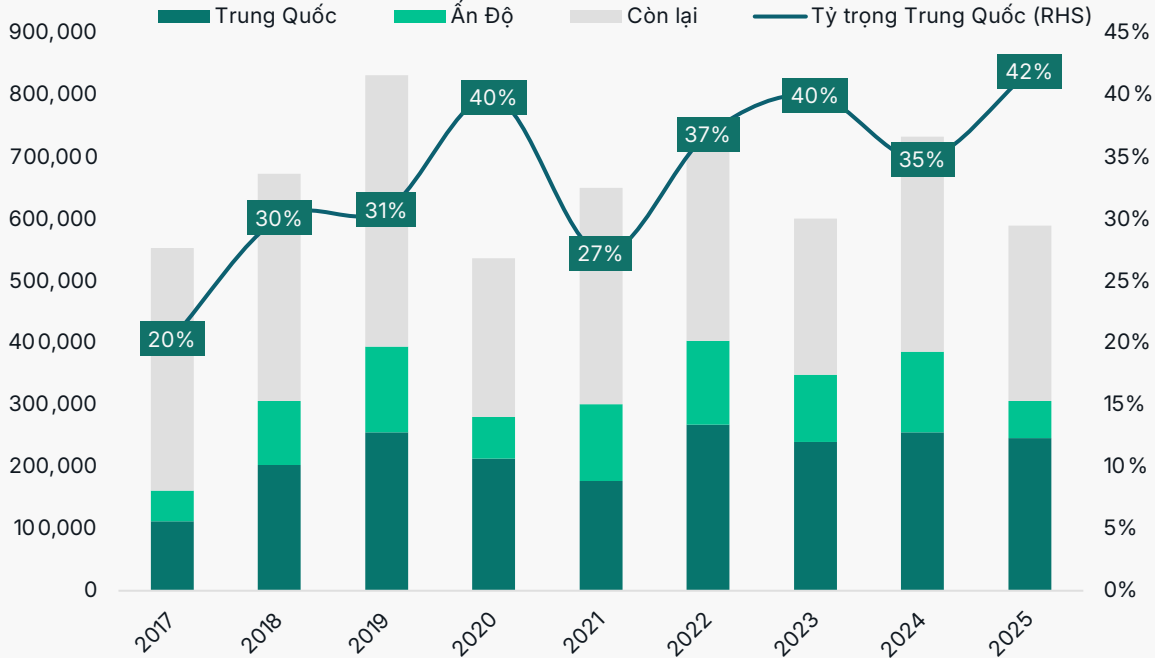
Cơ cấu xuất khẩu cao su Việt Nam đang thay đổi theo một hướng đáng chú ý. Tỷ trọng NR thuần túy giảm dần từ vùng 45% xuống 35%, nhường chỗ cho cao su hỗn hợp ngày càng chiếm phần lớn hơn trong tổng sản lượng xuất khẩu. Đây là tín hiệu cho thấy ngành đang dịch chuyển lên một bậc trong chuỗi giá trị, nhưng điểm đến là cao su hỗn hợp chứ chưa phải sản phẩm chế biến sâu với biên lợi nhuận cao.

Mặt khác, cơ cấu xuất khẩu NR lại phụ thuộc lớn vào Trung Quốc. Sau giai đoạn tỷ trọng Trung Quốc giảm và cơ cấu thị trường đa dạng hơn trong 2020-2022, xu hướng đó đã đảo chiều rõ từ 2023. Tỷ trọng Trung Quốc đang leo trở lại vùng 40-45% và khối lượng tuyệt đối cũng tăng mạnh, trong khi phần còn lại gần như không thay đổi. Nói cách khác, tăng trưởng xuất khẩu gần đây của Việt Nam gần như hoàn toàn đến từ một khách hàng.

Cơ cấu sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam
| Đơn vị: Nghìn tấn, % | Nguồn: ITC, Kafi Research



Cấu trúc xuất khẩu cao su tự nhiên của Việt Nam
| Đơn vị: %, Tấn | Nguồn: ITC, Kafi Research



Dư địa mở rộng diện tích hạn chế

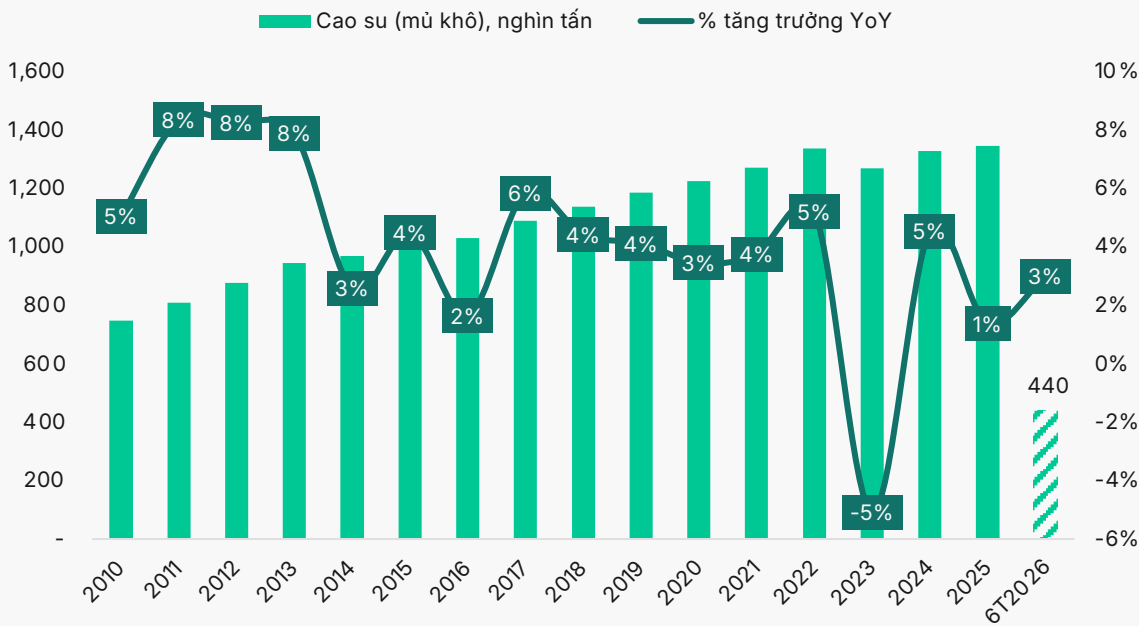
Diện tích thu hẹp và vườn cây già hóa đang hạn chế khả năng bổ sung nguồn cung trong dài hạn

Sản lượng mủ cao su khai thác đang tăng chậm lại từ năm 2023, sau giai đoạn tăng trưởng mạnh, dư địa gia tăng nguồn cung ngày càng hạn chế. Trong 6T2026, nguồn cung vẫn duy trì tăng trưởng nhưng ở mức thấp khi sản lượng đạt khoảng 440 nghìn tấn, tăng 3% YoY.

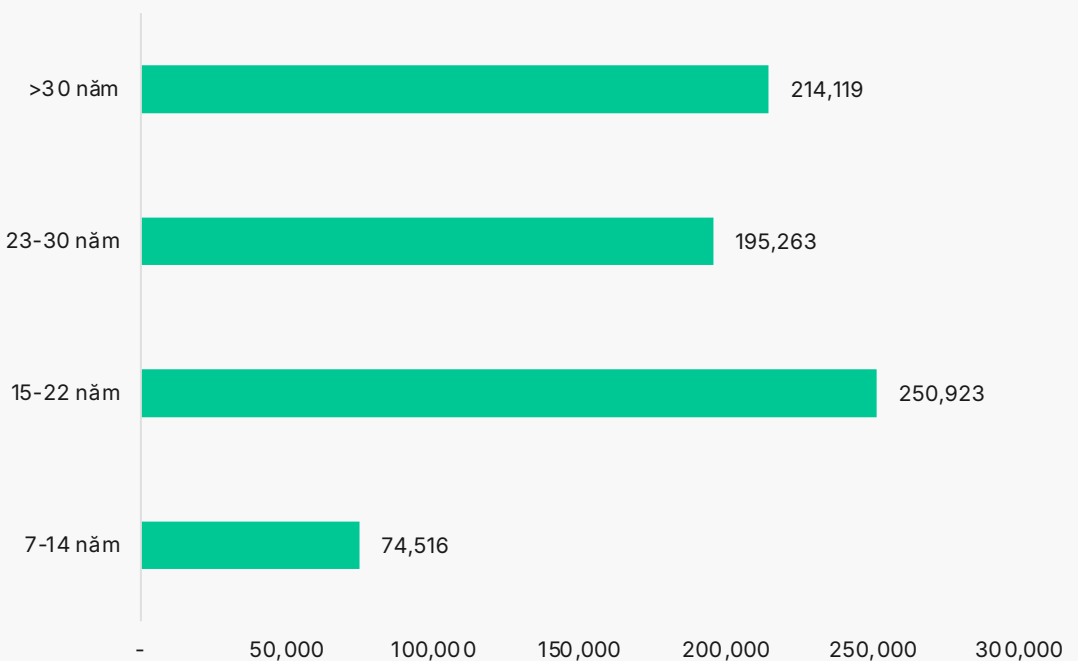
Theo Quyết định 431/QĐ-BNN-TT ngày 26/01/2024, đến năm 2030, diện tích cao su cả nước dự kiến còn 800-850 nghìn ha, giảm khoảng 6-12% so với năm 2024, trong khi sản lượng mủ cao su thô vẫn được đặt mục tiêu 1.3-1.5 triệu tấn/năm. Diện tích cao su được định hướng thu hẹp trong khi sản lượng vẫn được duy trì, cho thấy ngành đang chuyển từ mở rộng diện tích sang nâng cao năng suất và hiệu quả khai thác.

Đồng thời, hơn 55% diện tích thu hoạch hiện đã trên 22 năm tuổi, cho thấy cơ cấu vườn cây đang già hóa và nhu cầu tái canh và thanh lý trong những năm tới. Chúng tôi cho rằng chu kỳ tái canh dài khiến khả năng bổ sung nhanh nguồn cung từ diện tích mới bị hạn chế, qua đó củng cố xu hướng nguồn cung cao su tăng chậm.

Sản lượng mủ cao su thu hoạch qua các năm
| Đơn vị: Triệu tấn, % | Nguồn: GSO, Kafi Research



Diện tích thu hoạch theo độ tuổi cây cao su tại Việt Nam
| Đơn vị: Nghìn ha | Nguồn: Kafi Research



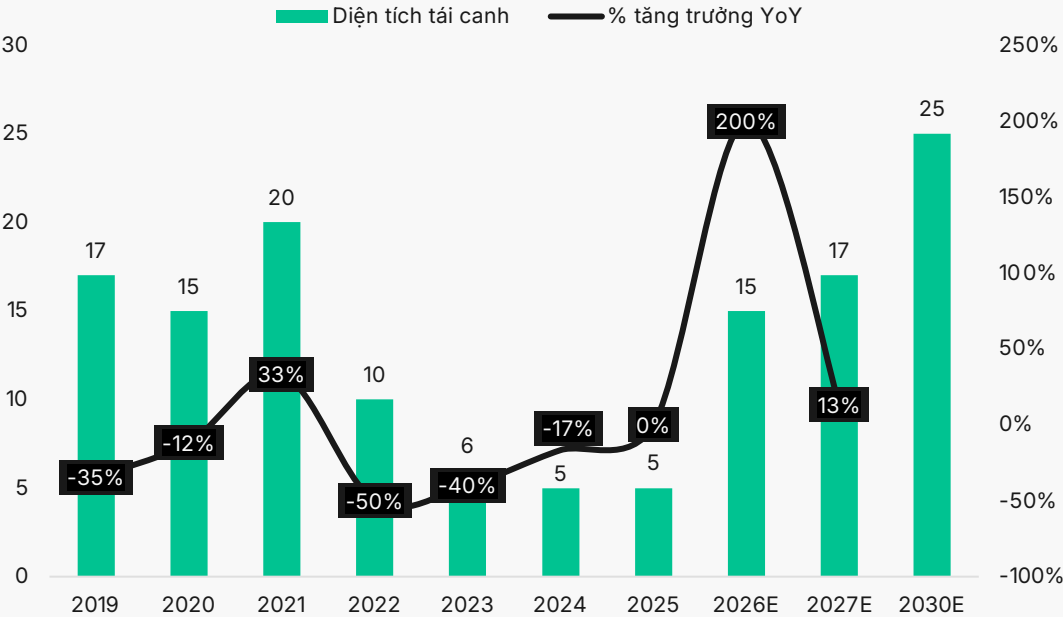
Thanh lý cây cao su tạo thêm nguồn thu cho doanh nghiệp

Vườn cây già hóa thúc đẩy thanh lý, tạo thêm nguồn thu bên cạnh hoạt động khai thác mủ

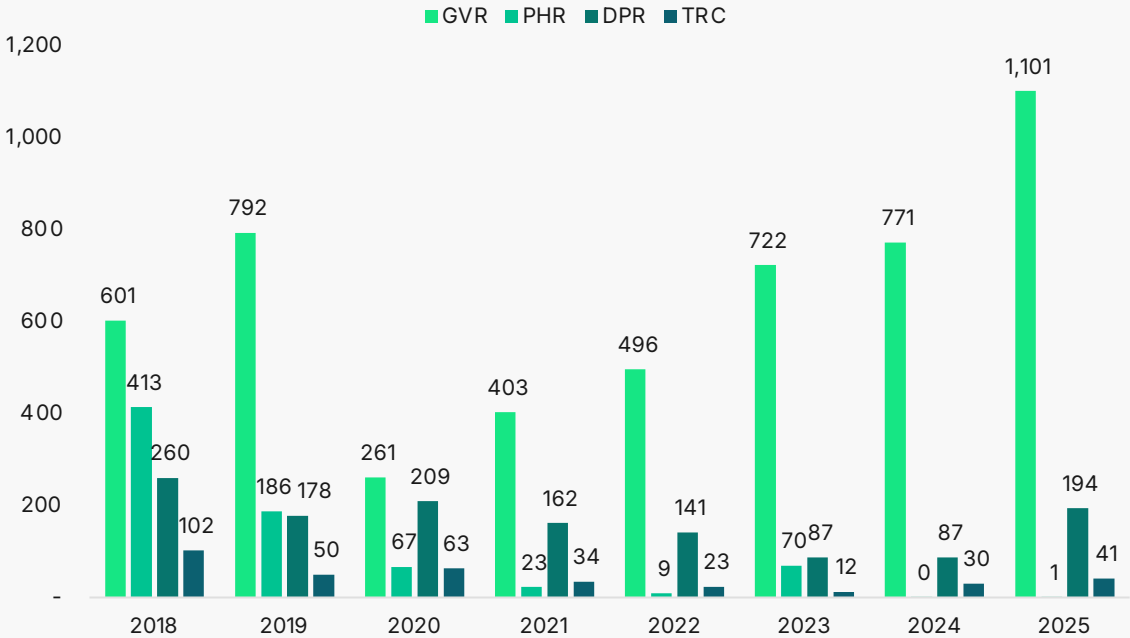
Chu kỳ khai thác của cây cao su thường kéo dài khoảng 20-25 năm. Sau giai đoạn khai thác ổn định, năng suất mủ có xu hướng giảm; các vườn cây lớn tuổi có thể được xem xét thanh lý khi hiệu quả khai thác không còn cao. Việc thanh lý phụ thuộc vào tuổi cây, năng suất, mật độ cây, điều kiện vườn và mục đích sử dụng đất. Do đó, không phải toàn bộ cây trên 20 năm tuổi đều được thanh lý ngay; một số diện tích có thể tiếp tục khai thác hoặc tái canh tùy hiệu quả kinh tế.

Thanh lý cây tạo ra hai nguồn giá trị: **(1)** thu nhập từ bán gỗ cao su, phụ thuộc vào trữ lượng gỗ thương phẩm và giá gỗ tại vườn sau khi trừ chi phí khai thác, vận chuyển; và **(2)** giải phóng diện tích để tái canh, cho phép DN thay thế các vườn cây năng suất thấp bằng giống cao sản mới, qua đó cải thiện năng suất và hiệu quả khai thác trong chu kỳ tiếp theo.

Ngành đang bước vào chu kỳ tái canh trở lại
| Đơn vị: nghìn ha | Nguồn: ANRPC, Kafi Research



Thu nhập từ thanh lý cây và gỗ cao su tăng mạnh tại các DN niêm yết
| Đơn vị: nghìn tỷ đồng | Nguồn: Kafi Research



Cơ cấu lợi nhuận ngành đang dịch chuyển

Cao su vẫn là nguồn lợi nhuận cốt lõi, trong khi KCN dần trở thành động lực tăng trưởng mới

Bên cạnh thanh lý vườn cây, các doanh nghiệp cao su đang từng bước khai thác giá trị quỹ đất thông qua chuyển đổi sang phát triển KCN, với hiệu quả kinh tế cao hơn so với hoạt động trồng và khai thác cao su.

Xu hướng này được hỗ trợ bởi định hướng mở rộng không gian công nghiệp tại Đông Nam Bộ, đặc biệt về Tây Ninh, phía Bắc Bình Dương và phía Đông Đồng Nai, nơi tập trung quỹ đất cao su lớn và nhu cầu phát triển KCN ngày càng tăng. Trong giai đoạn 2026-2027, một số dự án dự kiến hoàn tất các thủ tục và đền bù, tạo cơ sở để doanh nghiệp từng bước ghi nhận giá trị từ quỹ đất và lợi nhuận liên quan.

Với đặc thù ghi nhận theo tiến độ dự án, nguồn thu từ chuyển đổi quỹ đất có thể tạo ra các khoản lợi nhuận đột biến trong những năm doanh nghiệp đủ điều kiện ghi nhận. Doanh nghiệp có thể trực tiếp phát triển KCN hoặc hợp tác với đối tác có năng lực, tùy thuộc vào nguồn vốn và mô hình triển khai.

Một số dự án KCN chuyển đổi từ quỹ đất cao su dự kiến ghi nhận đền bù giai đoạn 2026–2027

| Nguồn: Kafi Research

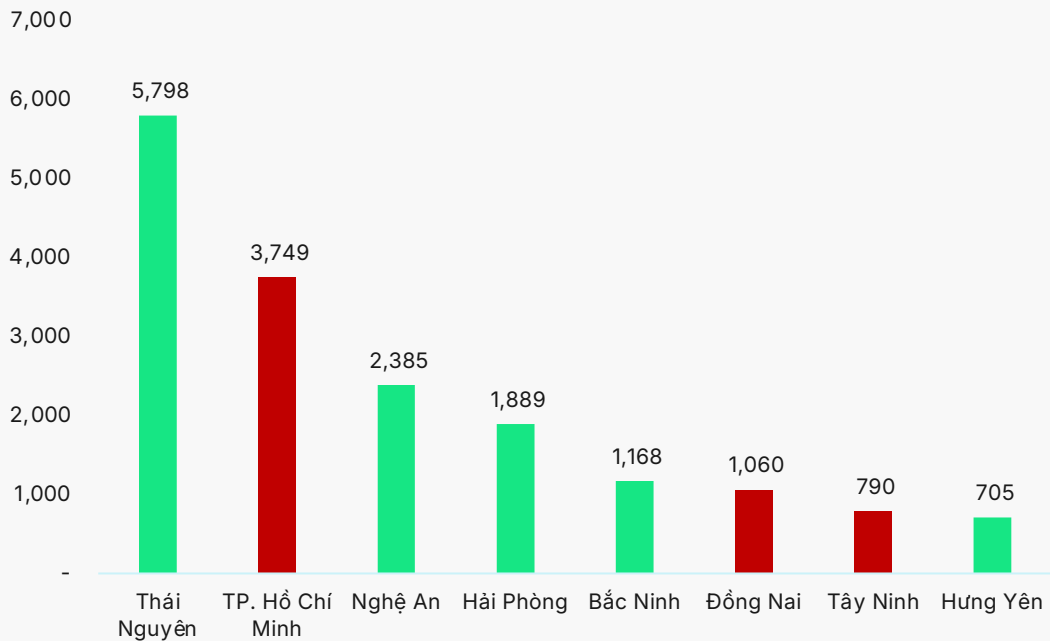
Doanh nghiệp	Dự án	Đất cao su	Thời gian/ Tiến độ
GVR	KCN Minh Hưng III GD2	483 ha	Đã chấp thuận chủ trương; triển khai từ 2026
	KCN Long Đức		Dự kiến hoàn tất đền bù 2026–27
	KCN Bàu Cạn – Tân Hiệp		Đang triển khai đền bù
TRC	KCN Hiệp Thạnh	496 ha	Ước tính tổng tiền đền bù đất khoảng 500 tỷ đồng. Dự kiến trong năm 2026 sẽ ghi nhận 384 tỷ đồng, phần còn lại ghi nhận năm 2027
	KCN Thạnh Đức 1	500 ha	Dự án đã được chấp thuận chủ trương. TRC dự kiến sẽ góp vốn phần đền bù đất vào KCN
PHR	KCN Bắc Tân Uyên 1	704 ha	Tổng tiền để bù dự kiến hơn 1,400 tỷ đồng. Khoảng 500-600 tỷ đồng dự kiến ghi nhận 2026, phần còn lại dự kiến 2026-27.
	KCN VSIP III	691 ha	PHR đã nhận 1,157 tỷ đồng đến cuối 2025; phần còn lại khoảng 2,103 tỷ đồng dự kiến nhận trong 2026-27.
Tổng diện tích		2,874 ha	

Nhu cầu KCN gia tăng nhờ dòng vốn FDI và xu hướng dịch chuyển sản xuất

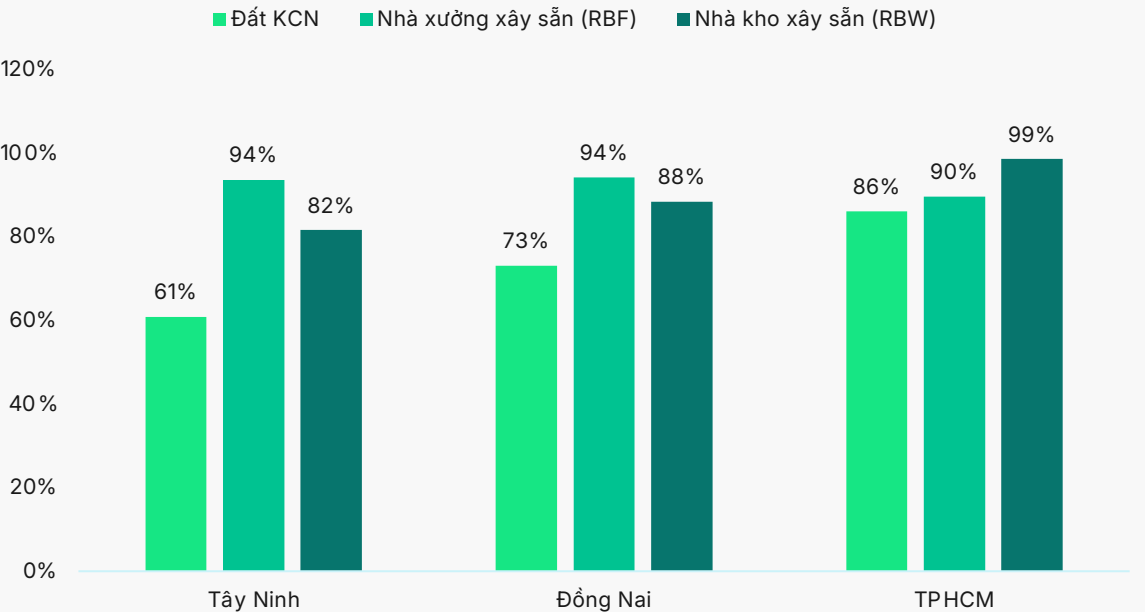
Trong bối cảnh Việt Nam tiếp tục mở rộng nền kinh tế, dòng vốn FDI duy trì tích cực, thúc đẩy nhu cầu phát triển KCN để đáp ứng hoạt động sản xuất. Lũy kế 8T26, tổng vốn FDI đăng ký đạt 40.63 tỷ USD (+55.4% YoY), trong đó vốn FDI thực hiện đạt 17.25 tỷ USD (+12.0% YoY), cao nhất trong 8 tháng của 5 năm qua. Đáng chú ý, các địa phương thuộc vùng Đông Nam Bộ tiếp tục thu hút lượng vốn FDI đáng kể, với TP.HCM, TP. Đồng Nai và Tây Ninh đều ghi nhận dòng vốn mới tích cực trong năm 2026.

Theo Cushman & Wakefield, nhu cầu thuê đất KCN tại phía Nam tiếp tục cải thiện trong Q2/26, trong bối cảnh doanh nghiệp FDI mở rộng sản xuất và xu hướng dịch chuyển sang các địa phương còn dư địa phát triển. Tỷ lệ lấp đầy đất KCN tại các thị trường trọng điểm như TP.HCM, Đồng Nai và Tây Ninh duy trì ở mức cao, trong khi quỹ đất tại các khu vực trung tâm ngày càng hạn chế.

Lũy kế vốn FDI đăng ký cấp mới 8T2026 tại các tỉnh thành
| Nguồn: GSO, Kafi Research



Các phân khúc KCN tại các tỉnh miền Nam có tỷ lệ lấp đặt ở mức cao
| Nguồn: Cushman&Wakefield, Kafi Research



Quỹ đất cao su tại Đông Nam Bộ có lợi thế để phát triển KCN

Nhu cầu KCN mở rộng sang các khu vực lân cận, trong khi quỹ đất cao su tập trung với quy mô lớn

Các quỹ đất KCN tại các khu vực trung tâm phía Nam dần hạn chế, trong khi nhu cầu phát triển mới có xu hướng mở rộng sang các địa bàn lân cận như Tây Ninh và Đồng Nai. Đây cũng là những khu vực tập trung quỹ đất cao su lớn, tạo dư địa để các doanh nghiệp cao su chuyển đổi một phần quỹ đất sang phát triển KCN. Theo Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050, công nghiệp được xác định là một trong ba trụ cột phát triển của vùng, gắn với mục tiêu tăng trưởng GRDP bình quân 8.5–9%/năm.

Các doanh nghiệp cao su có lợi thế khi đã sở hữu quỹ đất lớn, liền vùng tại các khu vực có tiềm năng phát triển công nghiệp, qua đó giảm nhu cầu tích lũy quỹ đất đầu vào so với các chủ đầu tư mới. Đối với quỹ đất có nguồn gốc từ các doanh nghiệp Nhà nước, quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng và thực hiện thủ tục đất đai có thể thuận lợi hơn so với việc phát triển dự án trên quỹ đất phân tán, nhiều hộ dân. Đây là cơ sở hỗ trợ rút ngắn thời gian tạo lập quỹ đất và nâng cao khả năng triển khai các dự án KCN.

Quy hoạch sử dụng đất KCN quốc gia thời kì 2021-2030
| Nguồn: Kafi Research tổng hợp

Tỉnh/thành mới	KCN đã thành lập hiện nay	Chỉ tiêu đất KCN 2030	Ước tính diện tích đất cao su chuyển đổi 2026-2030
TP.HCM	27,270 ha	31,663 ha	5,183 ha
Đồng Nai	21,911 ha	26,127 ha	2,000 ha
Tây Ninh	14,674 ha	16,702 ha	3,260 ha
Cả nước	145,970 ha	210,930 ha	

GVR

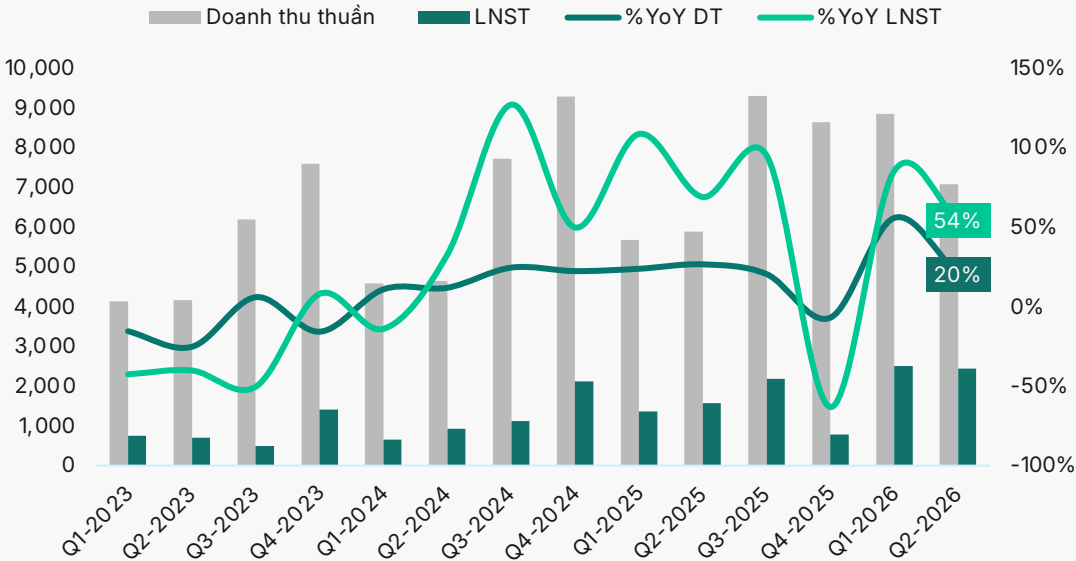
Giá mục tiêu: 40,849 VND
Lợi nhuận kỳ vọng: 26.86%

Dữ liệu giao dịch

Ngành	Cao su
Vốn hóa	127,600 tỷ đồng
SLCP lưu hành	4,000 tr cp
Biên độ 52W	24,890 - 45,750
KLGD TB	2,069,918 cp
Beta	1.0
P/B hiện tại	2.10
P/B TB 5 năm	2.17
P/B ngành	1.94

Kết quả kinh doanh theo quý

| Đơn vị: Tỷ VND, % | Nguồn: Kafi Research



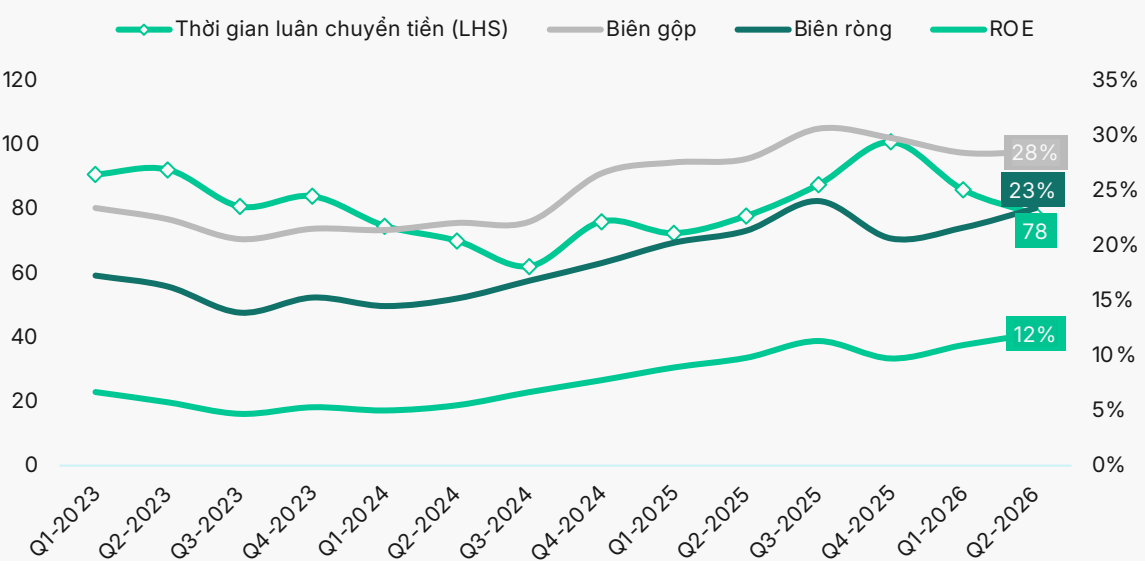
GVR là nhà sản xuất cao su tự nhiên lớn nhất Việt Nam với hệ sinh thái đa ngành, cùng quỹ đất chiến lược lên khoảng 395,000 ha. Trong 6T2026, GVR ghi nhận 4,947 tỷ đồng LNST (+68.59% YoY), mức lãi kỳ lục từ trước đến nay nhờ giá cao su phục hồi và nguồn cung toàn cầu thắt chặt. . Triển vọng 2026 được hỗ trợ tiếp tục bởi mặt bằng giá cao su duy trì ở mức cao và hoạt động thanh lý vườn cây, với kế hoạch thanh lý khoảng 7,400 ha (+15% YoY).

Luận điểm đầu tư:

- Giá cao su đang tăng và duy trì mức tăng dài hạn:** sự khan hiếm nguồn cung do các yếu tố như diện tích trồng cây cao su bị thu hẹp và già hóa làm năng suất suy giảm trong khi nhu cầu cao su ở hạ nguồn được hỗ trợ bởi động lực từ xe điện kết hợp với chu kỳ hàng hóa hiện nay có thể đẩy giá cao su tăng và ở mức cao cho đến cuối thập kỷ này.
- Kỳ vọng dòng tiền từ đền bù đất cao su tại Đồng Nai:** GVR đang sở hữu tổng quỹ đất chuyển đổi sang khu công nghiệp giai đoạn 2025-2030 lên tới 23,444 ha. Do đó, GVR đang đẩy mạnh chuyển đổi hàng nghìn hecta đất cao su sang khu công nghiệp tại Đồng Nai trong giai đoạn này, bao gồm các dự án lớn như Long Đức, Bàu Cạn - Tân Hiệp, và Xuân Quế - Sông Nhạn...

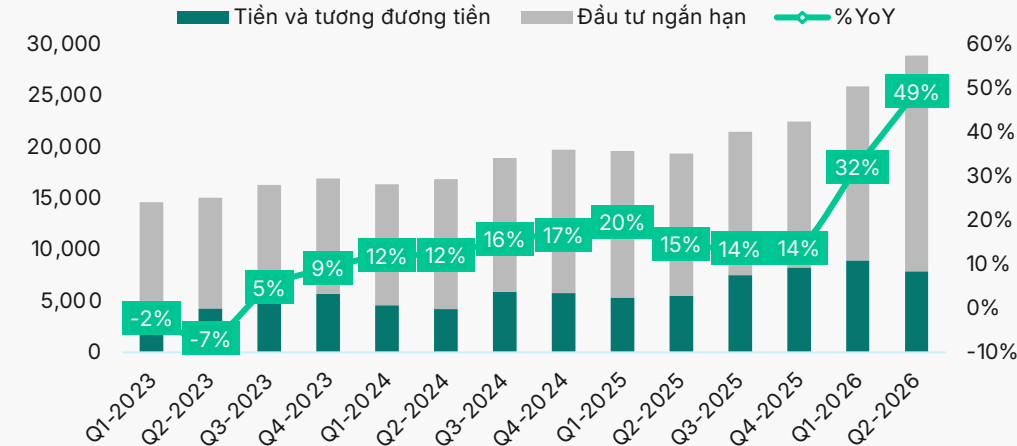
Hiệu quả hoạt động

| Đơn vị: % | Nguồn: Kafi Research



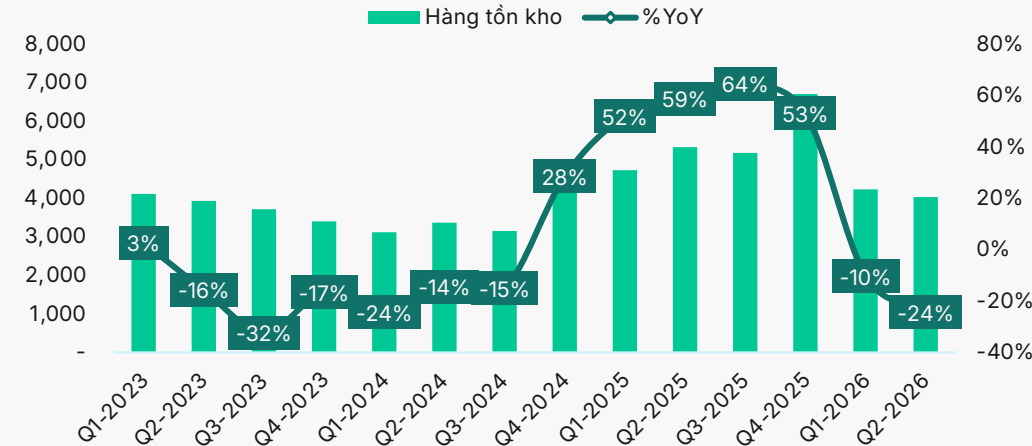
Tăng trưởng tiền mặt

Đơn vị: Tỷ VND, % | Nguồn: Kafi Research



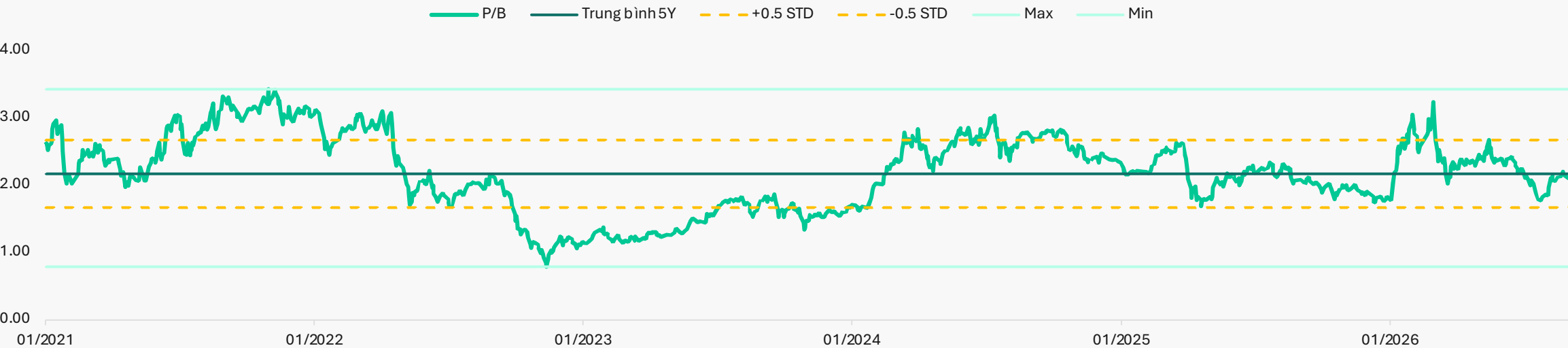
Tình hình tài chính

Đơn vị: Tỷ VND, % | Nguồn: Kafi Research



P/B lịch sử

Nguồn: Fiinpro, Kafi Research



PHR

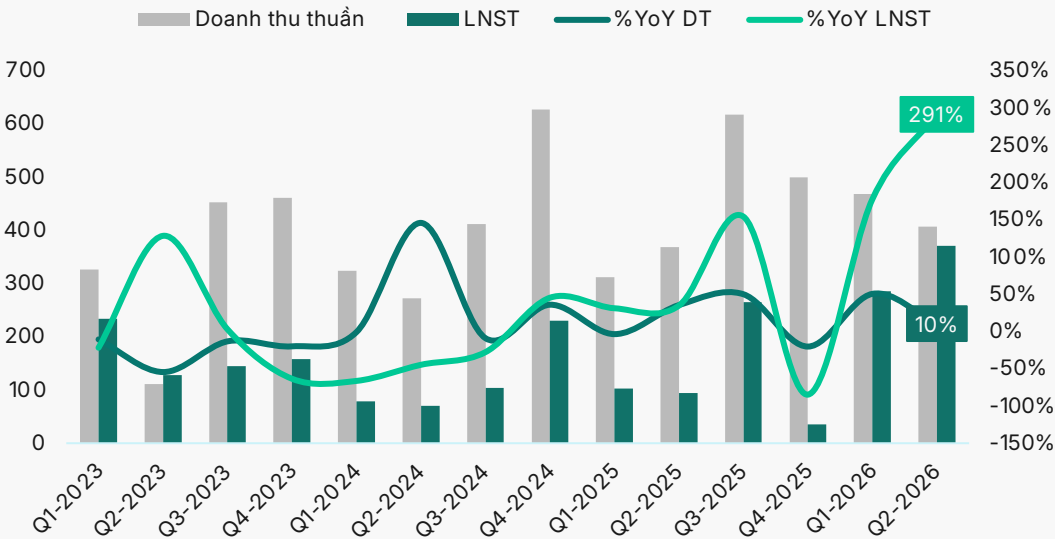
Giá mục tiêu: 43,671 VND
Lợi nhuận kỳ vọng: 37.76 %

Dữ liệu giao dịch

Ngành	Cao su
Vốn hóa	7,695 tỷ đồng
SLCP lưu hành	243.9 tr cp
Biên độ 52W	26,400 -38,700
KLGD TB	501,313 cp
Beta	0.7
P/B hiện tại	1.60
P/B TB 5 năm	2.20
P/B ngành	1.94

Kết quả kinh doanh theo quý

| Đơn vị: Tỷ VND, % | Nguồn: Kafi Research



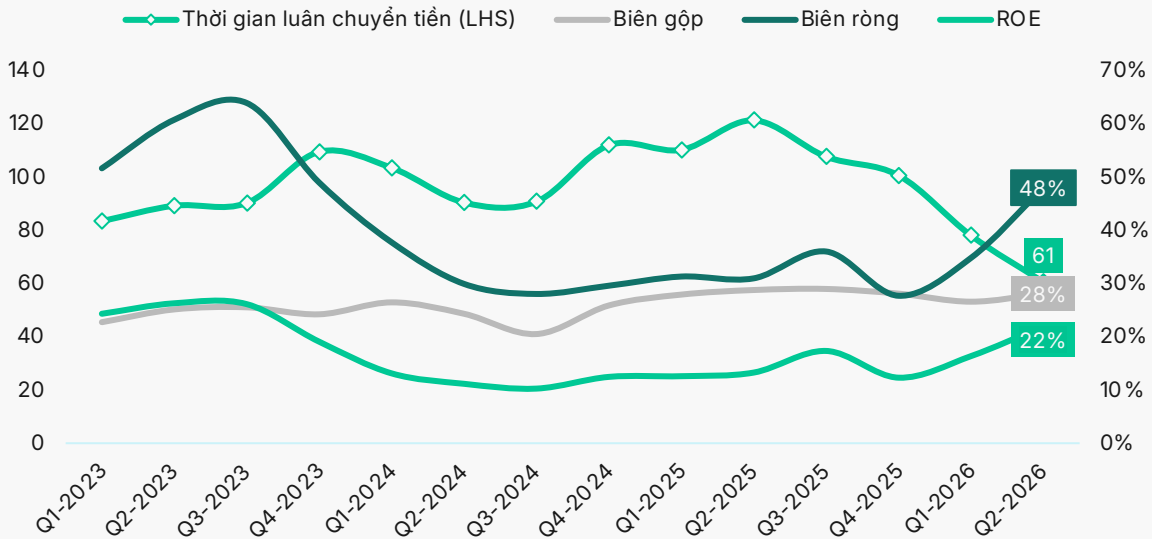
PHR sở hữu quỹ đất khoảng 15,000 ha cao su tại Bình Dương, tạo dư địa tăng trưởng từ cả hoạt động cao su và chuyển đổi đất. Triển vọng 2026 của PHR chủ yếu đến từ khoảng đền bù 2,103 tỷ đồng còn lại của VSIP III và Bắc Tân Uyên 1. Với LNST được dự phóng đạt 958 tỷ đồng (+80% YoY), doanh thu mảng cao su khoảng 1,746 tỷ đồng nhờ giá cao su phục hồi trong bối cảnh nguồn cung cao su toàn cầu thiếu hụt kéo dài.

Luận điểm đầu tư:

- Dòng tiền đột biến từ chuyển đổi đất:** PHR có tiềm năng chuyển đổi khoảng 2,800 ha tại Bình Dương (cũ), trong đó 580 ha sang KCN và 1,150 ha sang đất đô thị. Đáng chú ý, VSIP III quy mô 1,000 ha đã thu hút nhiều dự án FDI lớn như LEGO, Pandora và SAM DigitalHub, tạo nền tảng cho quá trình phát triển KCN và nguồn thu đền bù của PHR.
- Nền tảng KCN và sức khỏe tài chính vững chắc:** PHR sở hữu 20% tại VSIP III và 33% tại Nam Tân Uyên mở rộng GD2, qua đó hưởng lợi từ triển vọng cho thuê KCN tại Bình Dương. Cuối 2025, PHR có hơn 2,000 tỷ đồng tiền mặt và đầu tư ngắn hạn, trong khi nợ vay giảm còn hơn 21 tỷ đồng, tạo nền tảng tài chính thuận lợi để duy trì dòng tiền và tham gia các dự án KCN trong trung hạn.

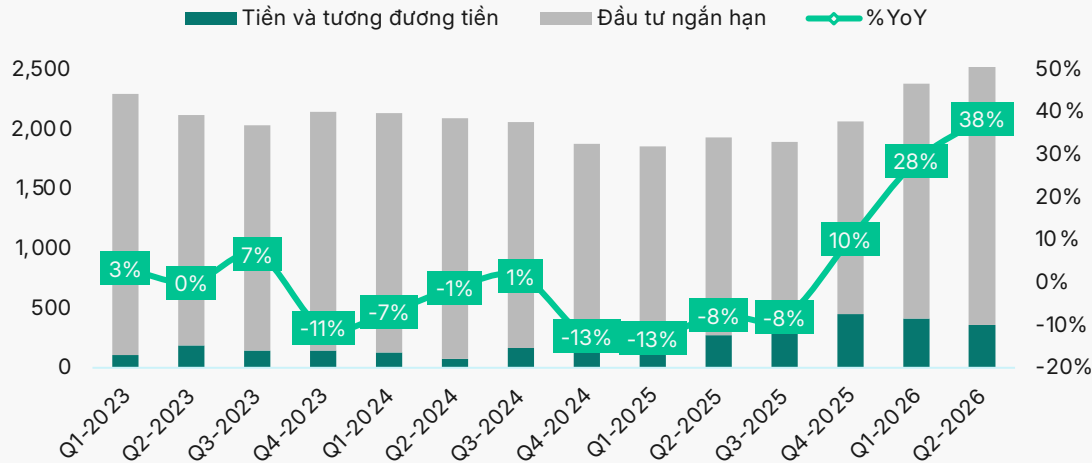
Hiệu quả hoạt động

| Đơn vị: % | Nguồn: Kafi Research



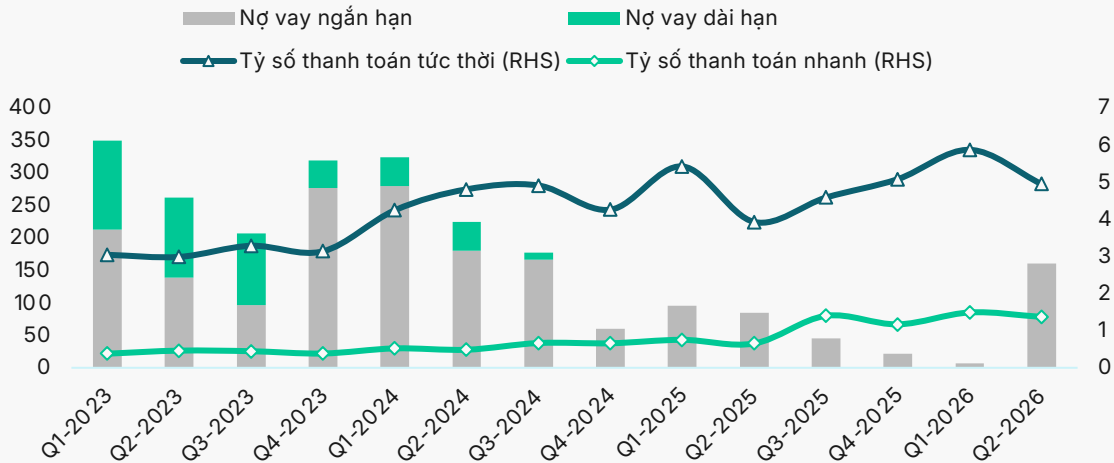
Tăng trưởng tiền mặt

| Đơn vị: Tỷ VND, % | Nguồn: Kafi Research



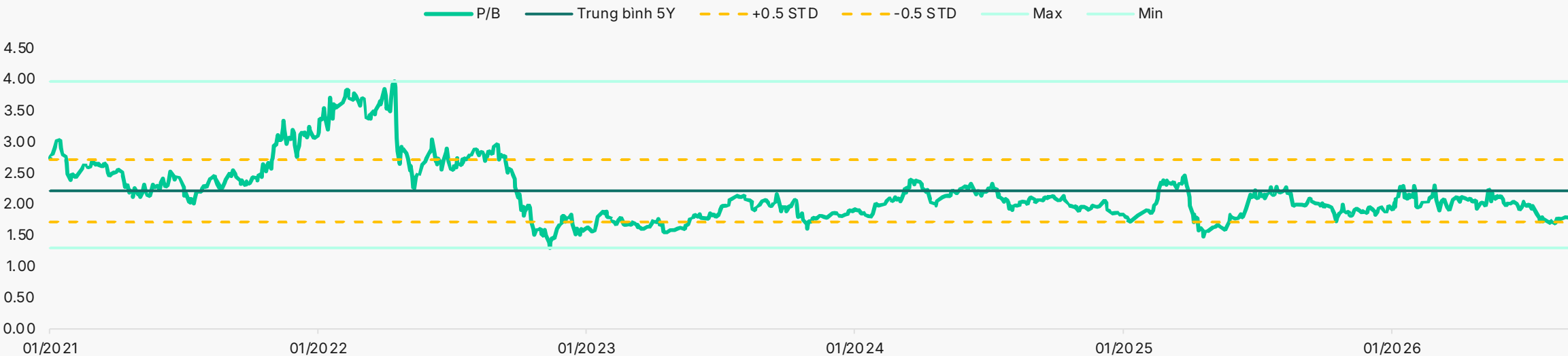
Tình hình tài chính

| Đơn vị: Tỷ VND, % | Nguồn: Kafi Research



P/B lịch sử

| Nguồn: Fiinpro, Kafi Research



DPR

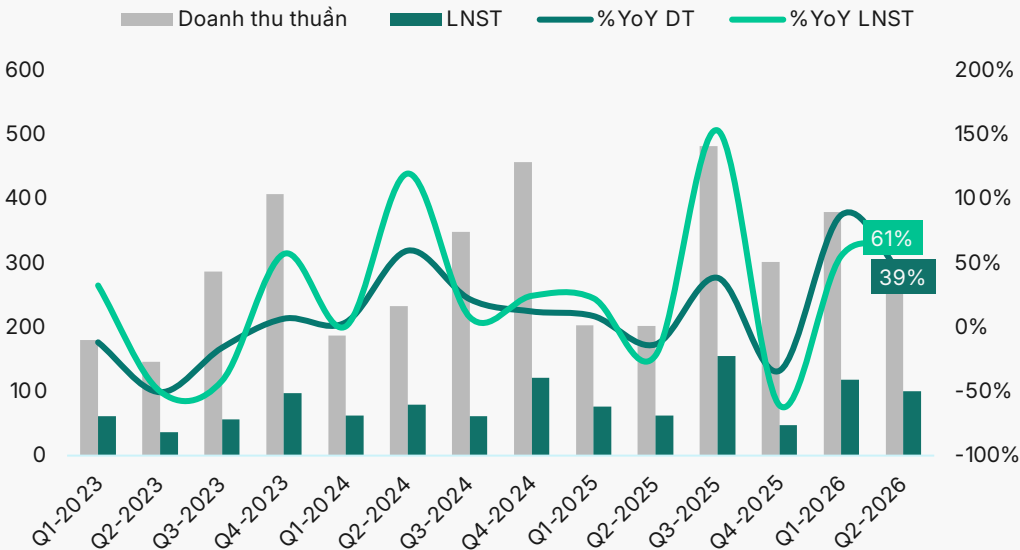
Giá mục tiêu: 52,684 VND
Lợi nhuận kỳ vọng: 40.49 %

Dữ liệu giao dịch

Ngành	Cao su
Vốn hóa	3,289 tỷ đồng
SLCP lưu hành	86.9 tr cp
Biên độ 52W	33,600 - 47,500
KLGD TB	245,906
Beta	0.7
P/B hiện tại	1.2
P/B TB 5 năm	1.31
P/B ngành	1.94

Kết quả kinh doanh theo quý

| Đơn vị: Tỷ VND, % | Nguồn: Kafi Research



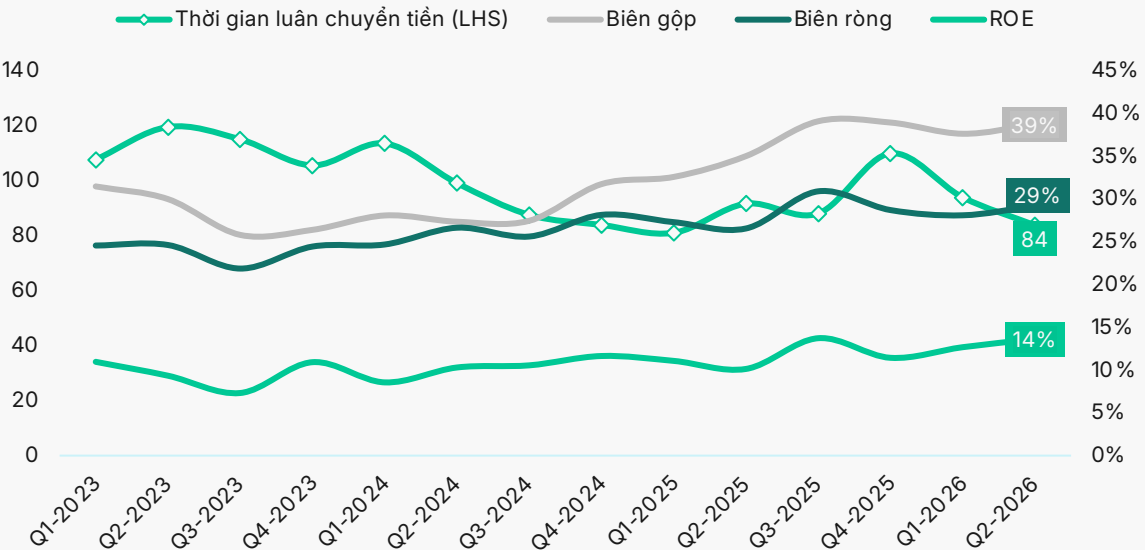
DPR nổi bật trong ngành nhờ năng suất vườn cây trên 2 tấn/ha, cao hơn mức trung bình ngành khoảng 1.8 tấn/ha. Trong 6T2026, doanh thu đạt 660 tỷ đồng (+63.3% YoY) và LNST 218 tỷ đồng (+58.1% YoY). Triển vọng 2026 tiếp tục được hỗ trợ bởi giá cao su duy trì ở mức cao và hoạt động thanh lý vườn cây, trong khi mảng KCN nhiều khả năng chưa đóng góp đáng kể do các dự án vẫn đang hoàn thiện pháp lý.

Luận điểm đầu tư:

- Mảng BĐS Khu công nghiệp bước vào giai đoạn hiện thực hóa:** KCN Bắc Đồng Phú mở rộng và Nam Đồng Phú mở rộng đã được phê duyệt chủ trương đầu tư từ tháng 1/2025, tạo dư địa đóng góp dòng tiền trong 2–3 năm tới. Với giá thuê dự kiến khoảng 70 USD/m², mức giá cạnh tranh có thể hỗ trợ khả năng thu hút khách thuê khi các dự án đi vào khai thác và mang tính ổn định dòng tiền khi giá thấp có thể khiến tỷ lệ lấp đầy cao.
- Cấu trúc tài chính không nợ vay:** DPR là doanh nghiệp có cấu trúc tài chính lành mạnh nhất toàn ngành khi kể từ năm 2023, tỷ lệ D/E đã giảm về 0. Con số này tiếp tục được duy trì đến hiện tại. Không chỉ vậy, DPR còn đang nắm giữ gần 2,000 tỷ đồng tiền mặt và chúng tôi kỳ vọng con số này tiếp tục tăng trưởng đều đặn nhờ dòng tiền từ BĐS KCN.

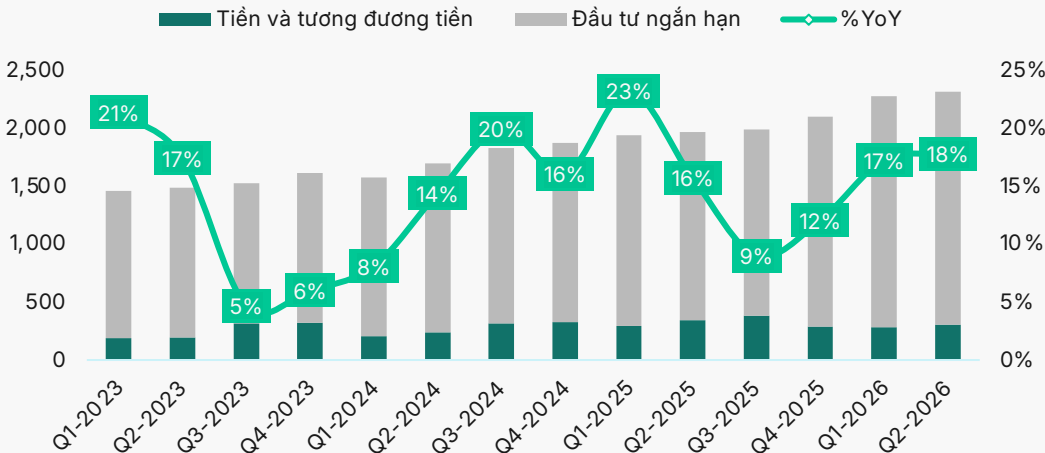
Hiệu quả hoạt động

| Đơn vị: % | Nguồn: Kafi Research



Tăng trưởng tiền mặt

| Đơn vị: Tỷ VND, % | Nguồn: Kafi Research



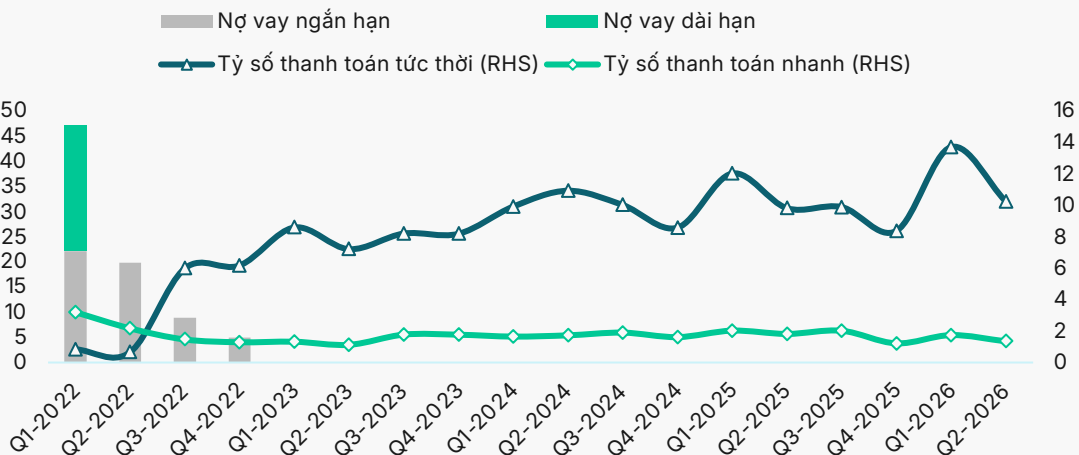
P/B lịch sử

| Nguồn: Fiinpro, Kafi Research

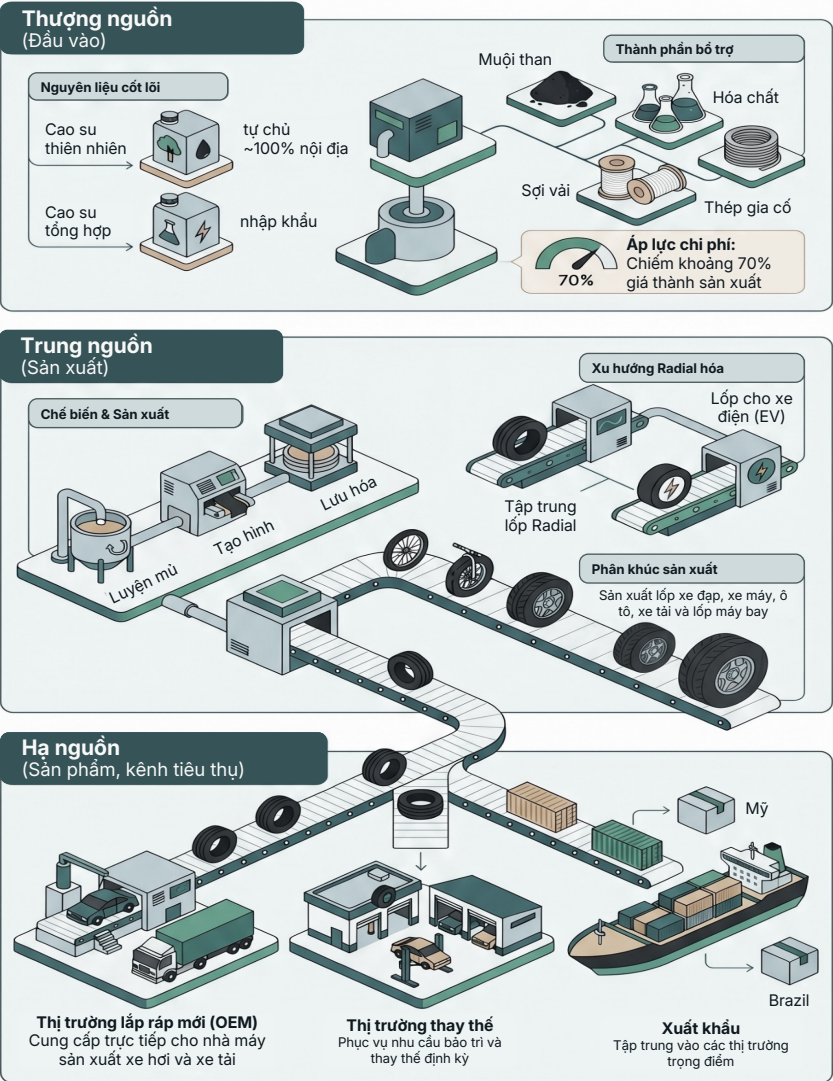


Tình hình tài chính

| Đơn vị: Tỷ VND, % | Nguồn: Kafi Research



CHUỖI GIÁ TRỊ NGÀNH SẼM LỚP



Vị thế của ngành tại Việt Nam:

Ngành đang chuyển dịch mạnh mẽ từ lốp Bias sang lốp Radial và lốp chuyên dụng cho xe điện (EV). Mặc dù nhu cầu lốp xe điện nội địa đang tăng trưởng nhanh nhất khu vực, các doanh nghiệp nội địa lại không được hưởng lợi khi tập trung vào phân khúc lốp xe tải vốn có nhu cầu lớn ở Mỹ, Brazil. Trong khi đó, giá cao su tự nhiên cao và thuế quan từ Mỹ khiến các doanh nghiệp nội địa như DRC gặp khó khăn trong thời gian tới.

Các nét chính:

- Cầu lốp toàn cầu tăng ổn định và phân hóa có lợi:** Xe tải và bus là phân khúc tiêu thụ cao su tự nhiên cao nhất, không thể thay thế bằng cao su tổng hợp. Phân khúc này đang tăng trưởng tập trung tại Châu Mỹ, xa nguồn cung Đông Nam Á. Đây là cơ hội xuất khẩu lớn cho doanh nghiệp lốp xe tải Việt Nam.
- Cuộc đua Radial hóa và xe điện (EV):** Thị trường chuyển dịch mạnh từ lốp Bias sang Radial và lốp chuyên dụng cho xe điện. Điểm sáng lớn nhất của các doanh nghiệp nội địa là DRC đã hoàn thành dự án mở rộng nhà máy Radial giai đoạn 3, nâng công suất lên 1 triệu lốp/năm để duy trì sức cạnh tranh tại Mỹ và Brazil.

Rủi ro: Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành (~70%), nên biên lợi nhuận của doanh nghiệp nội địa đang chịu áp lực khi cả hai nhóm đầu vào chính cùng tăng giá. Cụ thể, giá cao su thiên nhiên được kỳ vọng tăng dần trong dài hạn, trong khi căng thẳng tại Hormuz đẩy giá dầu thô đi lên làm tăng chi phí các nguyên liệu gốc hóa dầu như cao su tổng hợp và than đen.

Triển vọng 2026: phân hóa rõ rệt khi những doanh nghiệp tập trung nâng cấp hạ tầng Radial sẽ có cơ hội bứt phá về sản lượng xuất khẩu khi nhu cầu tại Mỹ và Brazil phục hồi. Ngược lại, các doanh nghiệp chậm chuyển đổi công nghệ hoặc phụ thuộc vào lốp Bias sẽ tiếp tục đối mặt với đà sụt giảm doanh thu.

Cổ phiếu	Khuyến nghị	DTT 6T2026 (%YoY)	LNST 6T2026 (%YoY)	D/E	P/E	ROE
DRC	Theo dõi	-8.85%	-15.63%	0.5x	12.4x	6.5%
SRC	Theo dõi	5.61%	5.40%	0.8x	53.3x	4.5%
CSM	Theo dõi	5.93%	4.00%	1.4x	22.8x	3.1%

Nhu cầu lớp xe ổn định và phân hóa

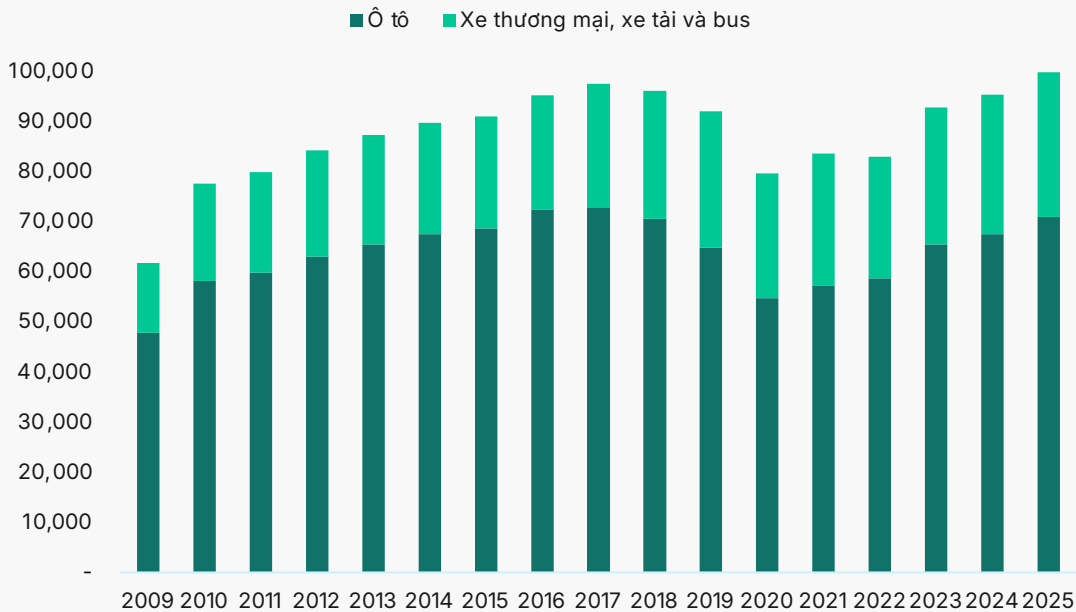
Nhu cầu sản phẩm từ ngành lớp vẫn tiếp tục gia tăng ổn định. Tuy nhiên, sự phân hóa nhu cầu giữa các khu vực sẽ định hình thị trường cao su trong tương lai.

Doanh số xe toàn cầu tăng đều với CAGR 1.73% từ 2009 đến nay, tạo nền cầu ổn định cho cao su tự nhiên. Tuy nhiên, nhu cầu ở các phân khúc đang phân hóa về địa lý theo hai hướng ngược nhau.

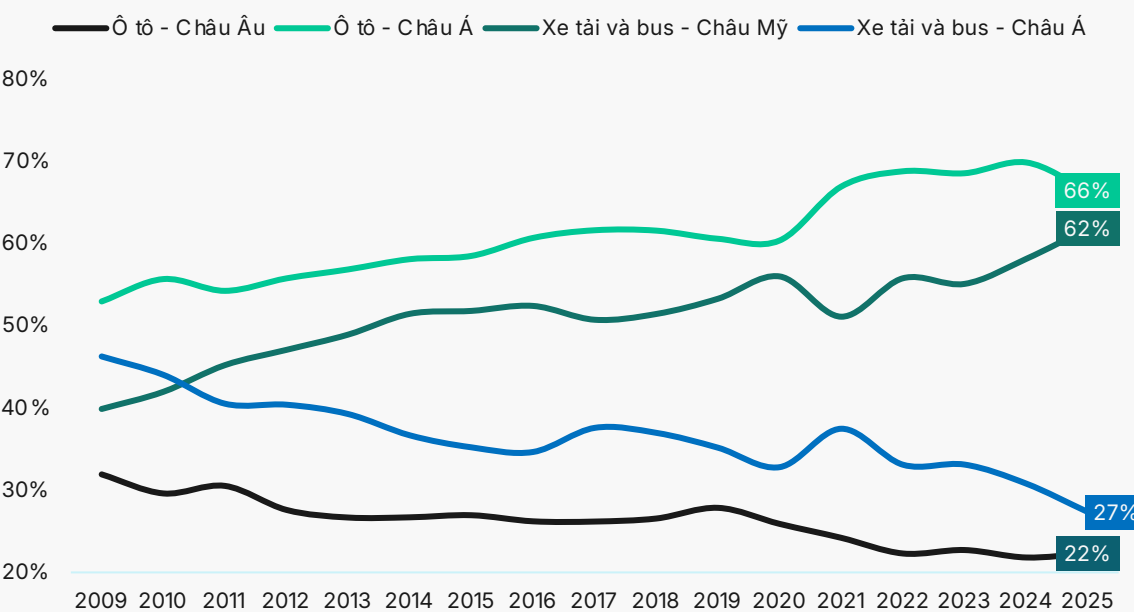
Ô tô du lịch ngày càng tập trung về Châu Á, hiện chiếm hơn 66% số lượng xe toàn cầu và tiếp tục tăng. Trong khi đó xe tải và bus lại có trọng tâm tăng trưởng tại Châu Mỹ, nơi tỷ trọng đang leo lên gần 62% và đi ngược chiều với Châu Á đang giảm dần ở phân khúc này.

Sự phân hóa này quan trọng với thị trường cao su tự nhiên vì hai phân khúc có hàm lượng NR trên mỗi lớp rất khác nhau. Xe tải và bus tiêu thụ NR nhiều hơn đáng kể và gần như không thể thay thế bằng cao su tổng hợp, trong khi ô tô du lịch linh hoạt hơn trong công thức phối trộn. Tăng trưởng ô tô tập trung ở Châu Á gần vùng nguyên liệu, trong khi tăng trưởng xe tải tập trung ở Châu Mỹ xa nguồn cung. Do đó, thị trường tiêu thụ sản phẩm cao su tự nhiên đang chuyển dịch dần sang các khu vực tại Châu Mỹ.

Số lượng xe bán ra trên toàn cầu (Bao gồm xe điện – EV)
| Đơn vị: Nghìn chiếc | Nguồn: OICA, Kafi Research



Tỷ trọng theo nhóm xe tại các thị trường chính (Bao gồm EV)
| Đơn vị: % | Nguồn: OICA, Kafi Research



Doanh số EV

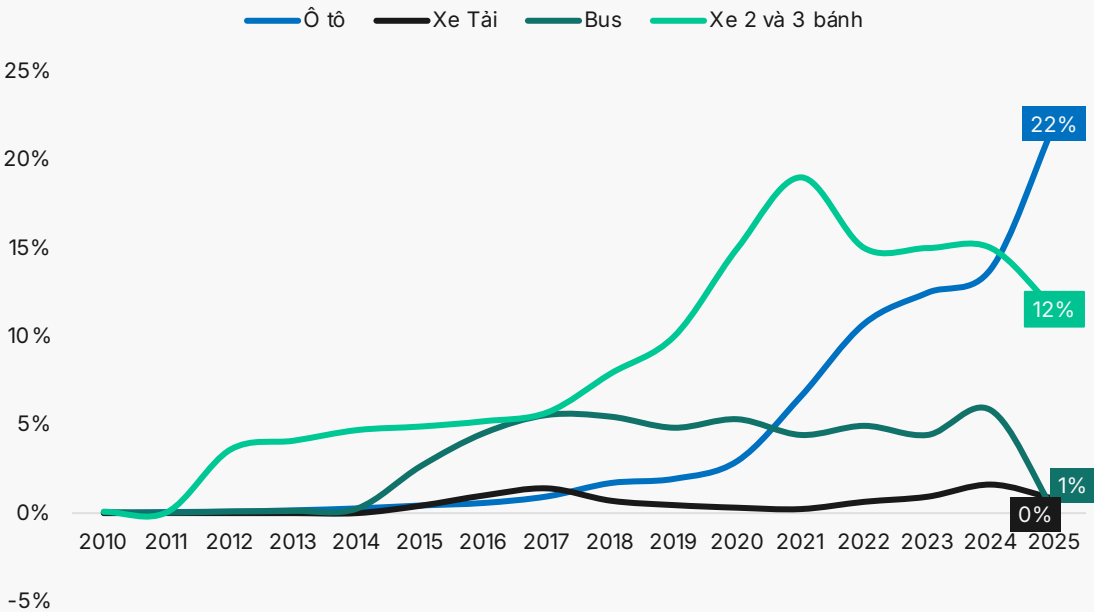
Xe điện (EV), yếu tố mới làm tăng nhu cầu cao su tự nhiên

Doanh số xe điện toàn cầu đang tăng trưởng với tốc độ vượt dự báo ban đầu, đặc biệt tại Trung Quốc thị trường EV lớn nhất thế giới chiếm hơn 60% doanh số toàn cầu. Điều này tạo ra cả cơ hội lẫn thách thức cho ngành cao su tự nhiên: EV nặng hơn xe động cơ đốt trong cùng phân khúc do trọng lượng pin, đòi hỏi lốp có tải trọng cao hơn và tuổi thọ tốt hơn, trong đó cao su tự nhiên giữ vai trò không thể thiếu.

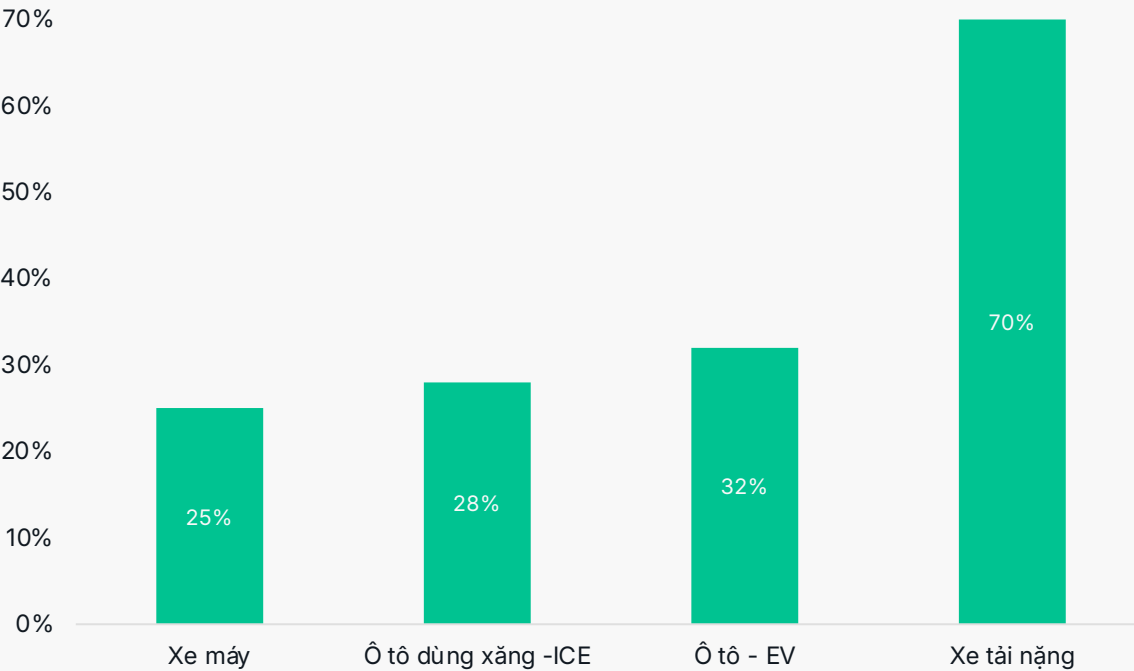
Tuy nhiên, EV có đặc điểm tiêu hao lốp nhanh hơn ICE (xe xăng) khoảng 20-30% do trọng lượng lớn hơn và mô-men xoắn tức thời cao hơn gây mài mòn bề mặt lốp mạnh hơn. Do đó, EV sẽ tiêu thụ nhiều lốp hơn trong vòng đời sử dụng so với ICE, tạo ra động lực tăng nhu cầu cao su tự nhiên vượt trội hơn ICE.

Kết hợp với nguồn cung cao su tự nhiên bị hạn chế trong dài hạn do già hóa vườn cây, làn sóng EV thực chất đang tạo ra áp lực cầu mới cho cao su tự nhiên. Đây là yếu tố hỗ trợ tích cực cho giá cao su dài hạn.

Tỷ trọng EV trên tổng số xe (EV và ICE) bán ra toàn cầu theo chủng loại
| Đơn vị: % | Nguồn: IEA, Kafi Research



Tỷ trọng cao su tự nhiên trong lốp xe thuộc các chủng loại chính
| Đơn vị: % | Nguồn: Kafi Research



EV – Động lực mới cho ngành lốp VN

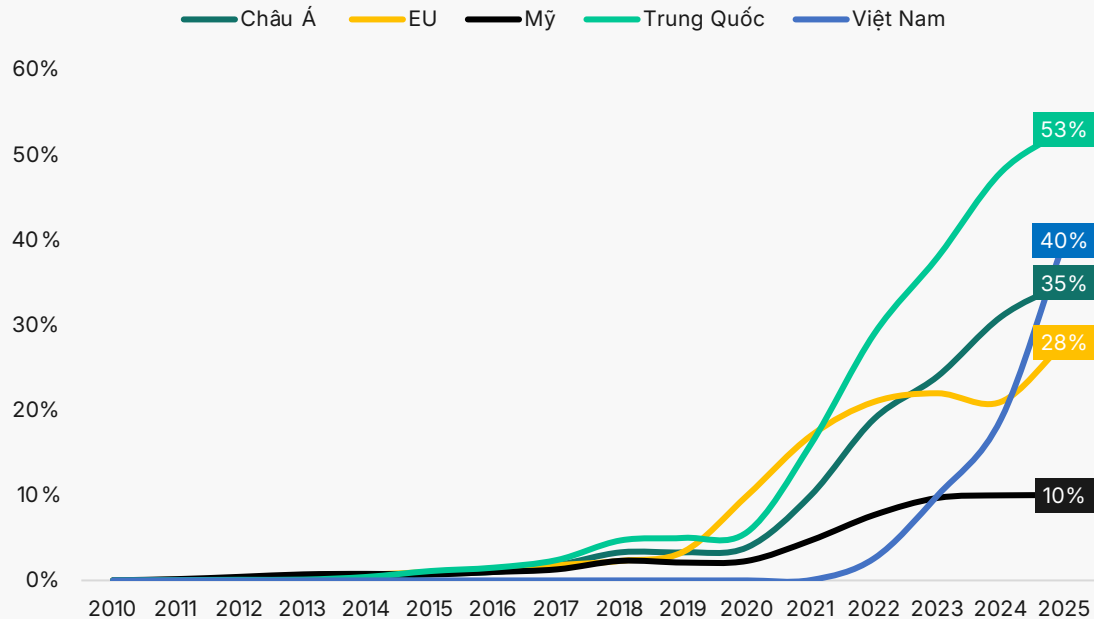
Việt Nam là quốc gia có tốc độ chuyển đổi và bán EV thuộc chủng loại ô tô thuộc hàng cao nhất thế giới.

Điện hóa phương tiện đang diễn ra không đồng đều giữa các khu vực. Trung Quốc dẫn đầu với 53% tỷ trọng EV trong doanh số mới và 14% trong đội xe lưu hành năm 2025, bỏ xa EU và Bắc Mỹ. Nhưng xu hướng tăng trưởng đáng chú ý nhất lại thuộc về Việt Nam.

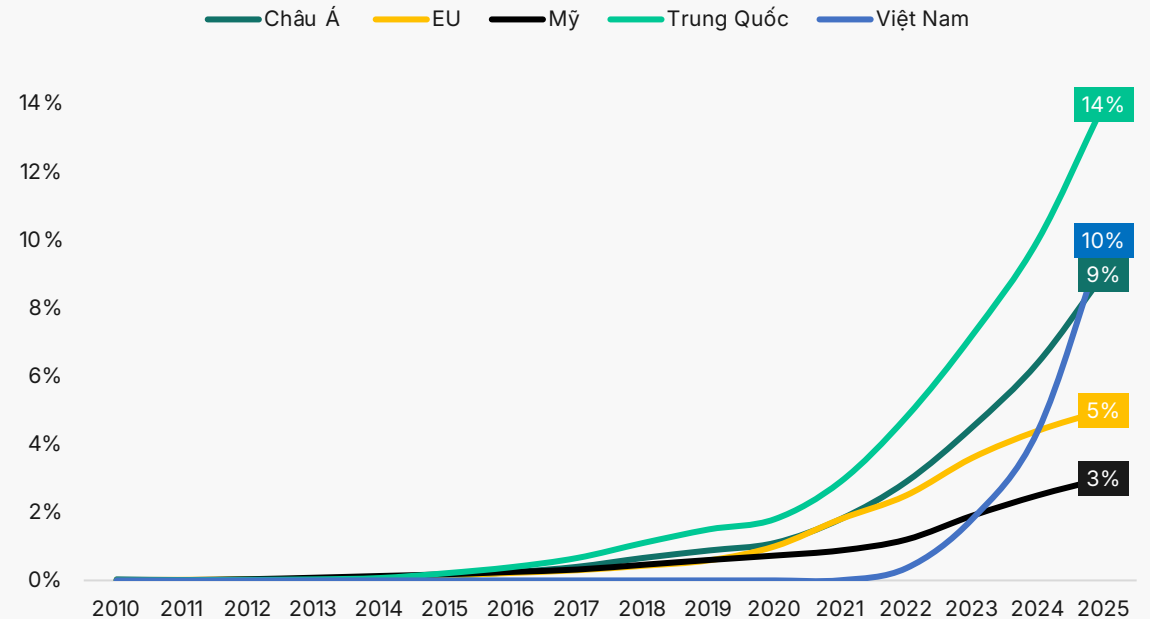
Từ gần như bằng 0 trước 2022, tỷ trọng EV trong doanh số xe mới tại Việt Nam tăng lên 40% năm 2025, vượt qua cả EU và Bắc Mỹ chỉ trong vòng hai năm. Tỷ trọng EV lưu hành đạt 10%, cũng là mức tăng nhanh nhất trong tất cả các khu vực được theo dõi. Con số này được tạo ra từ doanh nghiệp duy nhất - VinFast.

Với ngành lốp xe Việt Nam, điều này có nghĩa thực tế là cầu lốp EV nội địa đang đến sớm hơn nhiều so với hầu hết các thị trường khác. Tuy nhiên, các doanh nghiệp nội địa Việt Nam không được hưởng lợi từ xu hướng này khi đối tác cung ứng lốp xe cho VinFast là doanh nghiệp FDI trong khi DRC lại tập trung cho mảng lốp xe tải xuất khẩu.

Tỷ trọng ô tô EV bán ra trên tổng ô tô ICE và EV tại các khu vực chính
| Đơn vị: % | Nguồn: IEA, Kafi Research



Tỷ trọng ô tô EV đang lưu hành trên tổng ô tô ICE và EV tại các khu vực chính
| Đơn vị: % | Nguồn: IEA, Kafi Research



Từ viết tắt	Ý nghĩa
CAGR	Compound Annual Growth Rate - Tốc độ tăng trưởng kép hàng năm
EV	Electric Vehicle - Xe điện
FDI	Foreign Direct Investment - Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FOB	Free On Board - Giá giao hàng tại cảng xuất (người bán chịu chi phí đến cảng)
ICE	Internal Combustion Engine - Xe động cơ đốt trong (xe xăng/diesel)
ITC	International Trade Centre
KCN	Khu Công Nghiệp
Latex	Mủ cao su dạng lỏng (mủ nước)
NR	Natural Rubber - Cao su tự nhiên
ONI	Oceanic Niño Index - Chỉ số Niño đại dương (đo lường hiện tượng El Niño/La Niña)
OICA	Organisation Internationale des Constructeurs d'Automobiles - Tổ chức quốc tế các nhà sản xuất ô tô
OEM	Original Equipment Manufacturer - Nhà sản xuất thiết bị gốc (lắp ráp mới)
RSS	Ribbed Smoked Sheet - Cao su tờ xông khói (dạng sơ chế)
SBR	Styrene-Butadiene Rubber - Cao su tổng hợp gốc styrene-butadiene (còn gọi là cao su nhân tạo)
TSR	Technically Specified Rubber - Cao su định chuẩn kỹ thuật (dạng sơ chế)
VSIP	Vietnam Singapore Industrial Park - Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore

PHỤ LỤC 2: TÍNH CHẤT HAI LOẠI CAO SU CHÍNH



Tiêu chí	Cao su tự nhiên (Natural Rubber - NR)	Cao su nhân tạo (Synthetic Rubber - SR)
Nguồn gốc	Khai thác từ mủ (latex) của cây cao su	Từ các sản phẩm phụ của dầu mỏ (thường là Naphtha) và khí đốt thông qua quá trình trùng hợp. Butadien là hóa chất đặc biệt quan trọng để tổng hợp cao su nhân tạo như Cao su Butadien (BR) hoặc Cao su Styrene Butadiene (SBR)
Tính đàn hồi	Cực kỳ tốt, có khả năng phục hồi hình dạng ban đầu gần như hoàn hảo sau khi bị biến dạng	Tùy loại, nhưng không thể đạt tới độ đàn hồi tự nhiên hoàn hảo như NR
Độ bền kéo	Rất cao, khó bị xé rách ngay cả khi chưa có chất phụ gia	Thấp hơn cao su tự nhiên
Khả năng chịu nhiệt	Kém, dễ bị chảy, mềm khi nóng và giòn khi quá lạnh	Rất tốt, được thiết kế để chịu được dải nhiệt độ rộng
Kháng hóa chất & Dầu	Kém, dễ bị trương nở và phân hủy khi tiếp xúc với dầu, xăng và dung môi hữu cơ	Tốt đến rất tốt
Độ bền thời tiết	Dễ bị oxy hóa và lão hóa dưới tác động của tia UV và Ozone	Có khả năng chống chịu tốt với môi trường khắc nghiệt, tia cực tím và các tác nhân hóa học từ môi trường
Ứng dụng phổ biến	Lốp xe máy bay, lốp xe tải nặng, găng tay y tế, nệm cao su, các bộ phận giảm chấn	Lốp xe ô tô, ống dẫn nhiên liệu, đế giày, vật liệu cách điện

- **Cao su tự nhiên:** là lựa chọn hàng đầu cho các ứng dụng đòi hỏi độ bền cơ học cao, khả năng chịu tải nặng và tính đàn hồi vượt trội. Do đó, trong các ứng dụng tính đàn hồi và chịu kéo cao như lốp xe tải hoặc lốp máy bay, cao su tự nhiên có tỷ trọng rất cao (>70%) trong thành phần lốp. Tuy nhiên, nó nhạy cảm với nhiệt độ, hóa chất và độ bền thấp.
- **Cao su nhân tạo:** là giải pháp thay thế linh hoạt. Ưu điểm lớn nhất là có thể tùy biến đặc tính hóa học để chịu được những môi trường mà cao su tự nhiên không làm được như: môi trường dầu, hóa chất nồng độ cao hoặc nhiệt độ cực hạn. Trong thực tế sản xuất (như lốp xe ô tô con), người ta thường pha trộn cả hai loại để tối ưu hóa cả tính bền bỉ cơ học của cao su tự nhiên lẫn khả năng chịu thời tiết và môi trường khắc nghiệt từ cao su nhân tạo.

Khuyến nghị của Trung tâm Phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI ("KAFI") được xây dựng dựa trên các phương pháp phân tích cơ bản, phân tích kỹ thuật, dữ liệu thị trường và các nguồn thông tin được đánh giá là đáng tin cậy tại thời điểm công bố.

Đối với khuyến nghị đầu tư, khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu được tính trên cơ sở tổng của: (1) chênh lệch giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố, và (2) tỷ suất cổ tức dự kiến (nếu có).

Đối với khuyến nghị giao dịch ngắn hạn, các mức vùng mua, giá mục tiêu và ngưỡng cắt lỗ được xác định trên cơ sở phân tích kỹ thuật, xu hướng giá, thanh khoản, dòng tiền và các tín hiệu thị trường ngắn hạn tại thời điểm phát hành báo cáo.

Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo: Khuyến nghị đầu tư có thời hạn đánh giá là 12 tháng; Khuyến nghị giao dịch ngắn hạn có thời hạn đánh giá dưới 03 tháng.

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ (12 THÁNG)

- **KHẢ QUAN:** Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
- **TRUNG LẬP:** Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15%.
- **KÉM KHẢ QUAN:** Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%.

KHUYẾN NGHỊ GIAO DỊCH NGẮN HẠN (< 03 THÁNG)

- **MUA:** Cổ phiếu nằm trong vùng mua được xác định với tỷ lệ lợi nhuận/rủi ro hấp dẫn.
- **CHỐT LỜI/GIẢM TỶ TRỌNG:** Giá cổ phiếu đã tiếp cận hoặc vượt vùng giá mục tiêu ngắn hạn.
- **CẮT LỖ:** Giá cổ phiếu vi phạm ngưỡng quản trị rủi ro được xác định trong báo cáo.

Trong một số trường hợp, giá mục tiêu, vùng mua, vùng chốt lời hoặc ngưỡng cắt lỗ có thể được điều chỉnh theo diễn biến thị trường, kết quả kinh doanh, thông tin doanh nghiệp hoặc các yếu tố vĩ mô phát sinh sau thời điểm công bố báo cáo.

Các mức giá được đề cập trong báo cáo chỉ mang tính chất tham khảo và phản ánh quan điểm phân tích của KAFI tại thời điểm phát hành. Nhà đầu tư cần chủ động đánh giá mức độ phù hợp với khẩu vị rủi ro, mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của mình trước khi đưa ra quyết định giao dịch.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI ("KAFI"). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố theo nhận thức tốt nhất của KAFI. KAFI không chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ hay tính cập nhật của những thông tin này. Một số đường dẫn báo cáo này có thể liên kết với những trang web khác do các bên thứ ba quản lý, không thuộc quyền kiểm soát của KAFI. KAFI không đưa ra phát biểu nào về tính chính xác hoặc về bất kỳ khía cạnh nào khác của những thông tin đăng tải trên các trang web đó.

Các quan điểm, khuyến nghị trong báo cáo này được KAFI đưa ra sau khi xem xét kỹ càng, cẩn thận và dựa trên nhận thức tốt nhất cũng như trên cơ sở nỗ lực đem lại một quan điểm mang tính chất tham khảo cho nhà đầu tư. Những quan điểm, khuyến nghị này có thể thay đổi mà KAFI không cần thông báo trước hay có trách nhiệm cập nhật liên tục các thay đổi này.

Không một thông tin cũng như khuyến nghị nào trong báo cáo này được trình bày nhằm mục đích mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Việc sử dụng bất kỳ nội dung, thông tin nào trong báo cáo này sẽ do các nhà đầu tư toàn quyền quyết định và tự chịu hoàn toàn trách nhiệm và rủi ro. Các nhà đầu tư cần hiểu rõ kết quả đầu tư có thể phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khách quan và hoàn toàn nằm ngoài khả năng nhận biết, dự đoán hoặc kiểm soát của KAFI. Do vậy, các nhà đầu tư nên xem xét mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về vấn đề tài chính, thuế, pháp lý và các khía cạnh khác trước khi thực hiện giao dịch đối với bất kỳ chứng khoán nào của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này.

KAFI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào phát sinh từ hoặc liên quan đến các sai sót, bỏ sót hoặc hệ quả nào từ việc sử dụng các thông tin, áp dụng các khuyến nghị trong báo cáo này. Trong mọi trường hợp, KAFI cùng các đơn vị hợp danh hoặc pháp nhân hoặc thành viên, đại lý hoặc nhân viên của KAFI sẽ không chịu trách nhiệm đối với các nhà đầu tư hoặc bất kỳ tổ chức, cá nhân nào từ bất kỳ quyết định hoặc hành động nào được thực hiện dựa vào những thông tin, khuyến nghị trong báo cáo này hoặc bất kỳ thiệt hại mang tính hệ quả, cụ thể hoặc thiệt hại tương tự thậm chí trong trường hợp KAFI đã được thông báo về khả năng xảy ra thiệt hại đó.

Báo cáo này là sản phẩm thuộc quyền sở hữu của KAFI, không bên nào được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông (toàn bộ hoặc một phần) nội dung báo cáo mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KAFI.